

Số: 274 /BVCR-TTBYT  
V/v: yêu cầu báo giá

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 05 năm 2024

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Chợ Rẫy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp “Dụng cụ y tế” năm 2024 của Bệnh Viện Chợ Rẫy với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: BỆNH VIỆN CHỢ RẪY - 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Họ tên: Đào Văn Hiệp
  - Số điện thoại: 028.38.554.137 – 028.38.554.138 – Line: 1213
  - Địa chỉ Email: baogia.bvcr@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Chợ Rẫy (Phòng Tổ chức – Hành chính), địa chỉ: 201B Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.
  - Địa chỉ email: [baogia.bvcr@gmail.com](mailto:baogia.bvcr@gmail.com) nhận file mềm excel và bản scan (có đóng dấu giáp lai các tài liệu đính kèm).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 04 tháng 5 năm 2024 đến trước 17h ngày 16 tháng 5 năm 2024.

**Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.**

- Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 / 5 /2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá: Chi tiết đính kèm Phụ lục 01

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản vật tư y tế: Bệnh viện Chợ Rẫy
- Thời gian giao hàng dự kiến (Ghi theo thời gian dự kiến giao hàng phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu)
- Dự kiến về điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng

4. Các thông tin khác (nếu có).

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng Trang thiết bị y tế (để đăng tin)
- Lưu HC, TTBYT .

KT GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
BỆNH VIỆN  
CHỢ RẪY  
Phạm Thanh Việt

Biểu mẫu 01

**BÁO GIÁ****Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /BVCR-TTBYT ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Chợ Rẫy, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế, như sau:

**1. Báo giá cho các vật tư y tế:**

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)

Bằng chữ: ..... (Giá trên đã bao gồm chi phí, thuế VAT)

Đính kèm: Các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư y tế và được đóng dấu giáp lai

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,  
nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế tương ứng với chủng loại vật tư y tế ghi tại cột “Danh mục”.

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng vật tư y tế.

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng/ khối lượng theo đúng số lượng/ khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng vật tư y tế.

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng vật tư y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng vật tư y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	1	DC24-01	<b>Bộ mâm xẻ tĩnh mạch (10 mục):</b>		Bộ	2
1	1.1		Cán dao mổ	- Cán dao mổ đẹp số 3 - Chiều dài 120-140mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
2	1.2		Chén inox	- Chén dùng để đựng dung dịch, loại tròn, - Đường kính 80-90mm, chiều cao 40-50mm, dung tích 160-170ml, - Chất liệu inox 304	Cái	2
3	1.3		Diss có mẫu	- Nhíp phẫu thuật loại thẳng, đầu tron. ngắn có răng 1x2 - Chiều dài 160- 180 mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
4	1.4		Diss không mẫu	- Nhíp phẫu thuật, loại thẳng, đầu có khía ngang - Chiều dài 160- 180 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
5	1.5		Dò có rãnh	- Que thăm dò Nelaton có rãnh, mũi cong, - Chiều dài 160 - 180mm - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
6	1.6		Kẹp Kelly	- Kẹp mạch máu Crile loại cong, ngàm có răng, - Chiều dài 160-180 mm - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	4
7	1.7		Kềm kẹp kim	- Kềm kẹp thép không gỉ thẳng Mayo Hegar, dùng chỉ 0- ≥ 3/0 - Chiều dài 180 - 200mm - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
8	1.8		Kéo cong	- Kéo phẫu tích Metzenbaum loại cong, đầu tù, - Chiều dài 180 - 200mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
9	1.9		Kéo thẳng	- Kéo phẫu tích Mayo, loại thẳng, đầu tù, - Chiều dài 170-190mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
10	1.10		Mâm inox	- Mâm dùng đựng dụng cụ, - Kích thước 30-32x20-22cm, - Chất liệu inox 304	Cái	1
	2	DC24-02	<b>Bộ mâm chọc dò tử sống (04 mục):</b>		Bộ	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
11	2.1		Diss có máu	- Nhíp phẫu thuật loại thẳng, đầu tron, ngắn, có răng 1x2 - Chiều dài 160- 180 mm - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1	
12	2.2		Bồn hạt đậu cỡ trung	- Bồn hạt đậu, - Kích thước 250- 270 mm, - Chất liệu inox 304	Cái	1	
13	2.3		Chén chung inox	- Chén dùng để đựng dung dịch, loại tròn, - Đường kính 80-90mm, chiều cao 40-50mm, dung tích 160-170ml, - Chất liệu inox 304	Cái	2	
14	2.4		Mâm inox hình chữ nhật	- Mâm đựng dụng cụ, - Kích thước 32x22cm - cao 2cm - Chất liệu inox 304	Cái	1	
	<b>3</b>	<b>DC24-03</b>	<b>Bộ thay băng vết thương (3 mục):</b>			<b>Bộ</b>	<b>5</b>
15	3.1		Kẹp Kelly cong	- Kẹp mạch máu Crile loại cong, ngàm có răng, - Chiều dài 160-180 mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1	
16	3.2		Kẹp Kelly thẳng	- Kẹp mạch máu Crile loại thẳng, ngàm có răng, - Chiều dài 160-180 mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1	
17	3.3		Chén chung inox	- Chén dùng để đựng dung dịch, loại tròn, đường kính 80-90mm, - Chiều cao 40-50mm, dung tích 160-170ml, - Chất liệu inox 304.	Cái	2	
	<b>4</b>	<b>DC24-04</b>	<b>Mâm thông tiểu (4 mục):</b>			<b>Bộ</b>	<b>2</b>
18	4.1		Diss không máu	- Nhíp phẫu thuật loại thẳng, đầu tron, ngắn, có răng 1x2, - Chiều dài 160- 180 mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1	
19	4.2		Bồn hạt đậu	- Bồn hạt đậu cỡ trung - Kích thước 250- 270 mm, - Chất liệu inox 304	Cái	1	
20	4.3		Chén chung inox	- Chén dùng để đựng dung dịch, loại tròn, - Đường kính 80-90mm, dung tích 160-170ml, - Chất liệu inox 304	Cái	2	
21	4.4		Mâm inox hình chữ nhật	- Mâm đựng dụng cụ - Kích thước 32x22cm - cao 2cm - Chất liệu inox 304	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
22	5	DC24-05	Kéo cắt chỉ vết thương thẳng	- Kéo loại thẳng, đầu nhọn, đầu tù - Chiều dài 180-200mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	5
23	6	DC24-06	Kéo cắt chỉ vết thương cong	- Kéo loại cong, đầu nhọn, đầu tù, - Chiều dài 180-200mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	5
	7	DC24-07	<b>Bộ mũi cấu trúc có (29 mục)</b>		Bộ	3
24	7.1		Cán dao mổ, số 4	- Cán dao mổ đẹp số 4, - Chiều dài 130-135mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
25	7.2		Cán dao mổ, số 7	- Cán dao mổ đẹp số 7, - Chiều dài 150-160mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
26	7.3		Kẹp sãng	- Kẹp sãng trung, - Chiều dài 110-120mm - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2
27	7.4		Kẹp cầm máu Halsted-Mosquito	- Kẹp Halsted-Mosquito cong, mảnh, khía ngang dùng để cầm máu, - Chiều dài 120-125mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
28	7.5		Kẹp phẫu tích Micro-Halsted	- Kẹp Halsted-Mosquito thẳng, mảnh, khía ngang, dùng để cầm máu, - Chiều dài 120-125mm, - Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
29	7.6		Kẹp mang kim Hegar Durogrip TC	- Kẹp mang thép không gỉ khỏe, thẳng, dùng cho chỉ lớn 0-3/0, - Chiều dài 245-260mm, - Chất liệu thép không gỉ, có mạ Tungsten	Cái	1
30	7.7		Kẹp mang kim Halsey Durogrip TC	- Kẹp mang kim thẳng, dùng cho chỉ nhỏ từ 4/0-6/0, - Chiều dài 110-130mm, - Chất liệu thép không gỉ, có mạ Tungsten	Cái	1
31	7.8		Kéo phẫu tích Metzenbaum	- Kéo Metzenbaum mảnh, cong, mũi tù/tù, cán lớn, - Chiều dài 130-145mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
32	7.9		Kéo phẫu tích mũi	- Kéo có mũi và thân gập góc , - Chiều dài 110-115mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
33	7.10		Kéo phẫu tích Joseph	- Kéo phẫu tích Joseph siêu bén mảnh, thẳng, mũi nhọn/nhọn, - Chiều dài 130-150mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
34	7.11		Kéo Mayo	- Kéo phẫu tích Mayo , thẳng, - Chiều dài 230-255mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	7.12		Nhíp Adson	- Nhíp kẹp mô mảnh, thẳng, mũi ngầm có răng (1x2) đường kính 0,3 - 0,5mm, - Chiều dài 120-125mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
36	7.13		Nhíp Adson-Brown	- Nhíp kẹp mô ngầm có 2 hàng răng, - Chiều dài 120-125mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
37	7.14		Móc 2 răng Rollet	- Móc có 2 răng, nhọn, kích thước ngầm khoảng 2,2 x 4,5mm - Chiều dài 130-140mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
38	7.15		Banh mũi Cottle	- Bánh dùng trong phẫu thuật mũi, hai đầu, tù, - Chiều dài 200-220mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
39	7.16		Banh mũi Walter	- Bánh dùng trong phẫu thuật mũi Walter, hai đầu một đầu có 2 móc đầu còn lại giống farabeuf, 2 răng, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
40	7.17		Banh vết thương Farabeuf	- Bánh vết thương Farabeuf, loại lớn, hai đầu, bản rộng khoảng 16mm, bộ 2 chiếc, kích thước 20-28 x 16mm - Chiều dài 130-150mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
41	7.18		Thìa nạo xương	- Thìa nạo xương, đường kính thìa nạo 2,5- 2.8 mm, - Chiều dài 150-180 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
42	7.19		Dụng cụ róc xương	- Dụng cụ róc xương, dạng cong, đầu vuông, ngang 4-6 mm, - Chiều dài 150-200 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
43	7.20		Róc màng sụn	- Dụng cụ róc màng sụn, để lấy sụn sườn, 2 đầu, 1 đầu tròn độ rộng 5-7mm, - Chiều dài 200-220mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
44	7.21		Dao D-knife	- Dao cắt Freer, - Chiều dài 150-160mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
45	7.22		Dụng cụ giữa xương Fomon	- Dụng cụ giữa xương hai đầu có khía chéo, - Chiều dài 170-210mm, - Chiều rộng đầu nhỏ 5-6,5 mm, - Chiều rộng đầu lớn 6-7,5 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1



Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
46	7.23		Dụng cụ mài xương Aufricht	- Dụng cụ mài xương cong, có khóa, mài theo chiều đi xuống, - Chiều dài 220-25mm, - Đầu rộng 6-9mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
47	7.24		Đục xương bên trái	- Dùng đục xương chính mũi bên Trái, có gờ bảo vệ phần mềm bờ phải của lưỡi đục, lưỡi cắt cạnh trái, - Chiều dài 160-175mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
48	7.25		Đục xương giữa	- Đục dùng để đục xương chính mũi và vách ngăn, lưỡi cắt thẳng ở giữa, có gờ bảo vệ 2 bên, độ rộng lưỡi 10-12mm, - Chiều dài 160-175 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
49	7.26		Đục xương bên phải	- Đục dùng để đục xương chính mũi bên Phải, có gờ bảo vệ phần mềm bờ trái của lưỡi đục, lưỡi cắt cạnh phải, - Chiều dài 178mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
50	7.27		Ống hút Fergusson	- Ống hút dùng cho dây hút có đường kính 6-9mm, - Chiều dài 180-190mm, - Chiều dài hoạt động 110-120mm, - Đường kính khoảng 2mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
51	7.28		Banh mũi	- Banh có 2 lưỡi, để banh khám mũi, khớp vis, loại nhẹ, - Chiều dài 140-160mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
52	7.29		Búa đập sụn	- Búa dùng đập nát sụn, đường kính khoảng 30mm, nặng 220-250g, - Chiều dài 185-200mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	<b>8</b>	<b>DC24-08</b>	<b>Bộ phẫu thuật mắt (12 mục):</b>			<b>Bộ</b>	<b>3</b>
53	8.1		Cán dao số 3	- Cán dao mổ đẹp số 3, - Chiều dài 125-130mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
54	8.2		Cán dao số 4	- Cán dao mổ đẹp số 4, - Chiều dài 135-150mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
55	8.3		Kẹp sãng	- Kẹp sãng trung - Chiều dài 110-120mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
56	8.4		Kẹp phẫu tích Halsted-Mosquito	- Kẹp cong, mảnh, răng nhuyễn dùng để cầm máu - Chiều dài 120-125mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
57	8.5		Kẹp phẫu tích Micro-Halsted	- Kẹp cong, mảnh, răng nhuyễn dùng để cầm máu - Chiều dài 120-125mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
58	8.6		Kẹp mang kim Halsey Durogrip TC	- Kẹp mang kim thẳng, bước răng 0,2-0,4mm, dùng cho chỉ nhỏ từ 4/0-6/0 - Chiều dài 110-130mm - Chất liệu thép không gỉ có mạ Tungsten	Cái	2	
59	8.7		Kéo phẫu tích Metzenbaum	- Kéo Metzenbaum mảnh, cong, mũi tù/tù, cán lớn, - Chiều dài 130-145mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
60	8.8		Kéo Durotip TC	- Kéo phẫu tích mảnh, cong, lưỡi gọn sóng, mũi nhọn/nhọn, cán vàng - Chiều dài khoảng 110-120mm, - Chất liệu thép không gỉ có mạ Tungsten	Cái	1	
61	8.9		Kéo phẫu tích Joseph Supercut	- Kéo phẫu tích, mảnh, thẳng, lưỡi gọn sóng, mũi nhọn/nhọn - Chiều dài 120-150mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
62	8.10		Nhíp Adson	- Nhíp kẹp mô mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2) - Chiều dài 120-130mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
63	8.11		Thước đo mí	- Thước đo kích thước và đường kính - Chiều dài 70-80 mm, khoảng cách đo tối đa 15-20mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
64	8.12		Móc 2 răng Rollet	- Móc có 2 răng, nhọn, kích thước ngàm khoảng 2,2 x 4,50mm, - Chiều dài 130-140mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
	9	DC24-09	<b>Bộ tạo hình thành bụng (19 mục):</b>			<b>Bộ</b>	<b>3</b>
65	9.1		Bát đựng bệnh phẩm	- Bát dùng đựng bệnh phẩm - Cao 60-80mm - Rộng 12-15mm, - Dung tích 1000-1500ml - Chất liệu inox 304	Cái	2	
66	9.2		Kẹp sáng	- Kẹp sáng mổ - Chiều dài 120-130mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	8	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
67	9.3		Kẹp gấp gạc	- Kẹp gấp thẳng, ngàm hình tròn rộng 15-20mm, có răng dạng De Bakey - Chiều dài 250-300mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
68	9.4		Kẹp gấp gạc	- Kẹp gấp thẳng, ngàm hình tròn rộng 15-20mm, có răng dạng De Bakey - Chiều dài 300-400mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
69	9.5		Cán dao số 3	- Cán dao mổ đẹp số 3 - Chiều dài 120-125mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
70	9.6		Cán dao số 4	- Cán dao mổ đẹp số 4 - Chiều dài 130-140mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
71	9.7		Banh vết thương Army-Navy	- Bánh vết thương hai đầu, bộ 2 chiếc - Kích thước đầu ngắn 22-26 x 15mm, kích thước đầu dài 40-45 x 15mm - Chiều dài 270-300mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
72	9.8		Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC	- Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, cong, mũi tù/tù, cán vàng - Chiều dài 200-250mm - Chất liệu thép không gỉ có phủ Tungsten	Cái	2
73	9.9		Kéo phẫu tích Jameson	- Kéo phẫu tích Jameson, mảnh, cong, mũi tù/tù - Chiều dài 150-170mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
74	9.10		Kéo phẫu thuật Mayo	- Kéo phẫu thuật Mayo, thẳng, lưỡi vát, mũi tù/tù - Chiều dài 175-200mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
75	9.11		Kẹp bóc tách	- Kẹp bóc tách, mảnh, cong - Chiều dài 160-180mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
76	9.12		Kẹp phẫu tích Halsted-Mosquito	- Kẹp phẫu tích cong, mảnh - Chiều dài 125-130mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
77	9.13		Nhíp kẹp mô	- Nhíp kẹp mô, thẳng, cỡ trung bình, ngàm có răng (1x2) - Chiều dài 160-180mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
78	9.14		Nhíp kẹp mô Jefferson	- Nhíp kẹp mô Jefferson, mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2) - Chiều dài 180-200mm - Chất liệu thép không gỉ	Cặp	2

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
79	9.15		Cây đẽ bụng	- Cây Đẽ bụng/ruột, dễ uốn - Chiều dài 330-400mm, lưỡi rộng 50-60mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
80	9.16		Banh Deaver	- Bánh tổ chức kích thước lưỡi 50-60mm - Chiều dài 310-330mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
81	9.17		Kẹp kéo da dạng Schroeder	- Kẹp da thẳng, ngàm có răng (3x3) chiều rộng ngàm 10-15mm - Chiều dài 250-270mm - Chất liệu thép không gỉ	Bộ	2	
82	9.18		Kẹp mang kim Hegar-Mayo TC	- Kẹp mang kim thẳng, bước răng 0,5-0,7mm, dùng cho chỉ to - Chiều dài 200-250mm - Chất liệu thép không gỉ có mạ Tungsten	Bộ	2	
83	9.19		Kẹp mang kim Halsey TC	- Kẹp mang kim Halsey Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,4-0,5mm, dùng cho chỉ nhỏ, - Chiều dài 130-150mm - Chất liệu thép không gỉ có mạ Tungsten	Bộ	2	
	<b>10</b>	<b>DC24-10</b>	<b>Bộ cắt hàm (39 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
84	10.1		Cán dao số 3	- Cán dao mổ đẹp số 3 - Chiều dài 125-130mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
85	10.2		Cán dao số 4	- Cán dao mổ đẹp số 4 - Chiều dài 135-150mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
86	10.3		Kẹp sãng	- Kẹp sãng mổ loại trung - Chiều dài 110-120mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	6	
87	10.4		Kẹp phẫu tích Halsted-Mosquito	- Kẹp cong, mảnh dùng để bóc tách và cầm máu - Chiều dài 120-125mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
88	10.5		Kẹp phẫu tích Micro-Halsted	- Kẹp cong, mảnh dùng để bóc tách và cầm máu - Chiều dài 120-125mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
89	10.6		Kẹp Allis	- Kẹp thẳng - Chiều dài 200-250mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
90	10.7		Kẹp Kocher	- Kẹp cong - Chiều dài 200-250mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
91	10.8		Kềm kẹp kim	- Kẹp mang thép không gỉ khỏe, thẳng, bước răng 0,3- 0,5mm, dùng cho chi lớn - Chiều dài 245-260mm - Chất liệu thép không gỉ có mạ Tungsten	Cái	2
92	10.9		Kéo Mayo	- Kéo phẫu thuật Mayo, thẳng, lưỡi vát, mũi tù/tù - Chiều dài 175-200mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
93	10.10		Kéo Metzenbaum	- Kéo Metzenbaum mảnh, cong, mũi tù/tù, cán lớn - Chiều dài 130-145mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
94	10.11		Kéo Joseph supercut	- Kéo phẫu tích, mảnh, thẳng, lưỡi gọn sóng dùng bóc tách thần kinh cảm, mũi nhọn/nhọn - Chiều dài 120-150mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
95	10.12		Kéo cắt chi thép	- Kéo dùng cắt chi thép loại nhỏ, đầu ngắn 15-10mm, lưỡi có răng cưa chống trượt - Chiều dài 150-200mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
96	10.13		Kềm cắt nẹp	Kềm có 2 lưỡi vững dùng cắt nẹp mỏng trong phẫu thuật hàm mặt hay cắt kim Kirschner, độ rộng lưỡi cắt 15-20mm, - Chiều dài 300-400mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
97	10.14		Nhíp Adson có răng	-Nhíp kẹp mô mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2) - Chiều dài 120-125mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
98	10.15		Nhíp Adson-Brown	- Nhíp kẹp mô ngàm có 2 hàng răng - Chiều dài 120-125mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
99	10.16		Nhíp Adson không răng	- Nhíp kẹp mô quý như mạch máu, thần kinh thẳng, ngàm không có răng - Chiều dài 120-125mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
100	10.17		Ống hút Fergusson	- Ống hút dài 180-190mm, - Chiều dài hoạt động 110-120mm, đường kính khoảng 2mm, dùng cho dây hút có đường kính 6-9mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
101	10.18		Dụng cụ róc màng xương	- Dụng cụ dạng cong dùng để róc màng xương, đầu vuông, ngang 4-6 mm - Chiều dài 150-200 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
102	10.19		Dụng cụ róc màng xương dạng Seldin	- Dụng cụ dạng thẳng, dùng bóc màng xương có diện rộng, - Kích thước lưới rộng 8-12mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
103	10.20		Banh vết thương Army-Navy	- Bánh hai đầu, bộ 2 chiếc, dùng để băng vết thương, kích thước đầu ngắn 22-26 x 15mm, kích thước đầu dài 40-45 x 15mm - Chiều dài 270-300mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
104	10.21		Banh vết thương Meyerding	- Bánh một đầu, bộ 2 chiếc, dùng để băng vết thương, kích thước đầu bánh dài 120-150mm có chặn tuột mô mềm ở tận cùng đầu bánh rộng 2-3mm - Chiều dài 270-300mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
105	10.22		Thước đo	- Thước đo kích thước và đường kính - Chiều dài 70-80 mm, khoảng cách đo tối đa 15-20mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
106	10.23		Thước đo Vernier	- Thước đo kích thước và đường kính - Chiều dài 250-300 mm, khoảng cách đo tối đa 150-200mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
107	10.24		Thìa nạo xương	- Thìa thẳng dùng để nạo xương, đường kính thìa nạo 2,5- 2.8 mm - Chiều dài 150-180 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
108	10.25		Búa đục xương	- Búa dùng để đục xương - Chiều dài 185-200mm, đường kính khoảng 30mm, nặng 220-250g - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
109	10.26		Đục xương nhỏ	- Đục dùng để đục xương, loại nhỏ, độ rộng lưới 4-6mm - Chiều dài 150-170mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
110	10.27		Đục xương trung	- Đục dùng để đục xương, loại trung, độ rộng lưới 6-8mm - Chiều dài 150-170mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
111	10.28		Đục xương lớn	- Đục dùng để đục xương loại lớn, rộng lưới 10-15mm - Chiều dài 150-170mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
112	10.29		Đục vách ngăn mũi dạng Obwegeser	- Đục dùng đục vách ngăn mũi, dạng cong, có 2 cạnh bên ngoài, lưỡi ở giữa - Chiều dài 150-200mm, chiều dài 2 cạnh 8-12mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
113	10.30		Banh miệng dạng Forgesy	- Bánh dùng để banh miệng, 2 nhánh dạng cong - Chiều dài 120-150mm, chiều dài nhánh 10-20mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
114	10.31		Cây đè lưỡi dạng Weider	- Đè lưỡi dạng cong, đầu đè dạng trái tim, có khe bảo vệ ống nội khí quản, gập góc vuông, - Khoảng rộng đè lưỡi từ 80-120mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
115	10.32		Móc xương Caroll	- Móc dạng móc đơn, dùng để móc xương, độ rộng móc 15-25mm - Chiều dài 150-200mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
116	10.33		Kìm cột chi thép	- Kìm dùng để cột chi thép, độ dài ngàm 30mm, rộng ngàm 2-5mm - Chiều dài 200-250 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
117	10.34		Kìm Rowe bên Trái	- Kìm bên trái, dùng để kẹp cố định xương khâu cái trong phẫu thuật tạo hình xương hàm - Chiều dài 200-250mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
118	10.35		Kìm Rowe bên Phải	- Kìm bên phải, dùng để kẹp cố định xương khâu cái trong phẫu thuật tạo hình xương hàm - Chiều dài 200-250mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
119	10.36		Banh mô mềm dạng Channel	- Bánh dùng để banh mô, dễ dàng bẻ cong theo ý muốn - Chiều dài 120-200mm, rộng 20-30mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
120	10.37		Banh xương dạng Synthes	- Bánh dùng để banh xương - Chiều dài 200-250mm, chiều dài ngàm 30-50mm, rộng ngàm 10-15mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
121	10.38		Kềm cắt xương dạng Rongeurs	- Kềm dùng để cắt xương - Chiều dài 200-300mm, chiều dài hàm 25-35mm, độ rộng hàm 3-5mm, có lá thép đàn hồi ở giữa giúp tự động bung ra khi cắt xương - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
122	10.39		Kèm cắt xương dạng Liston	- Kèm cắt xương, chiều dài hàm 25-35mm, có lá thép đàn hồi ở giữa giúp tự động bung ra khi cắt xương - Chiều dài 200-300mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
123	11	DC24-11	Kéo y tế	- Kéo phẫu thuật thẳng, hai đầu nhọn - Chiều dài 14-18 cm - Chất liệu thép không gỉ		Cái 3
124	12	DC24-12	Nhíp y tế	- Nhíp thẳng, hai đầu nhọn, không máu - Kích thước dài 10-12 cm - Chất liệu thép không gỉ		Cái 3
125	13	DC24-13	Nhíp y tế	- Nhíp y tế thẳng, hai đầu tù, không máu - Chiều dài 10-12 cm - Chất liệu thép không gỉ,		Cái 3
	14	DC24-14	<b>Bộ dụng cụ kéo sườn trong mổ mở, gồm có 13 mục</b>			Bộ 1
126	14.1		Thanh vòm	- Thanh vòm A, có khóa dùng neo vào 3 banh tự giữ - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
127	14.2		Thanh đỡ	- Thanh đỡ hệ thống kéo sườn, gắn vào bàn mổ, nhờ chốt cố định - Chiều dài 50-60 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
128	14.3		Banh tự giữ	- Bánh dạng móc câu, dùng để cố định các móc yên ngựa,. kích thước rộng 3-4cm, - Chiều dài 4-5cm. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	3
129	14.4		Móc yên ngựa 1	- Móc dùng kéo sườn - Kích thước rộng 5,5-6 cm, sâu 6-7 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
130	14.5		Móc yên ngựa 2	- Móc dùng kéo sườn - Kích thước rộng 5,5-6 cm, sâu 6-7 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
131	14.6		Móc yên ngựa 3	- Móc dùng kéo sườn - Kích thước rộng 5-6cm, sâu 4-5cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
132	14.7		Móc yên ngựa 4	- Móc kéo sườn - Kích thước rộng 5-6 cm, sâu 5-6 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
133	14.8		Chốt cố định	- Chốt cố định thanh đỡ thẳng ruột đặc, tương thích với bàn phẫu thuật - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2



Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
134	14.9		Móc cơ bản	- Móc dùng để banh vén - Kích thước rộng 5-6 cm, sâu 4-5cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
135	14.10		Lưỡi rộng có thể uốn được	- Lưỡi dùng để banh vén - Kích thước rộng 15-17cm, sâu 4-5cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
136	14.11		Lưỡi dạng đơn có thể uốn được	- Lưỡi dùng để banh vén- - Kích thước rộng 10-12 cm, sâu 4-5cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
137	14.12		Lưỡi rộng có thể uốn được	- Lưỡi dùng để banh vén - Kích thước rộng 12-15cm, sâu 4-5cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
138	14.13		Lưỡi dạng đơn có thể uốn được	- Lưỡi dùng để banh vén - Kích thước rộng 8-10cm, sâu 4-5cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	<b>15</b>	<b>DC24-15</b>	<b>Bộ banh hậu môn, gồm có 2 mục</b>		<b>Bộ</b>	<b>5</b>	
139	15.1		Vòng banh hậu môn lone star	- Dùng cho banh hậu môn có hình số 8 - Kích thước 32.5cmx18.3cm±5% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
140	15.2		Dây lone star	- Dây banh dạng móc, kích thước đầu móc 5-12mm, dùng cho banh hậu môn - Chiều dài khoảng 15-17 cm đầu móc - Chất liệu thép không gỉ + cao su, gói 2 cái , tiệt trùng bằng EO.	Cái	10	
	<b>16</b>	<b>DC24-16</b>	<b>Dụng cụ vén gan dùng trong mổ nội soi (3 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>2</b>
141	16.1		Hệ thống cánh tay đơn	- Gồm bộ đỡ và bộ định vị - Có thể xoay 360 độ, điều chỉnh chiều cao cho phù hợp với từng bệnh nhân - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
142	16.2		Chốt cố định	- Dùng kẹp giữ dụng cụ, banh - Kích thước từ 3,5mm-15mm - Thép không gỉ	Cái	1	
143	16.3		Cây vén	- Cây vén, dùng để vén thùy gan trong mổ nội soi. Có khớp nối không chấn thương đường kính 5mm - Chiều dài 38cm với độ sai số ±10%, - Thân chất liệu thép không gỉ, cán bằng nhựa	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	17	DC24-17	<b>Bộ nội soi thực quản (8 mục):</b>		Bộ	2
144	17.1		Ống soi thực quản kèm tay cầm	- Ống soi, Công dụng để soi thực quản. Đường kính ngoài 12-15 x 16-18mm, đường kính trong 11 x 12mm - Chiều dài 40 cm - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước tương ứng ống soi thực quản	Cái	1
145	17.2		Ống soi thực quản kèm tay cầm	- Ống soi, Công dụng để soi thực quản. Đường kính ngoài 10-12 x 14-16mm, đường kính trong 9 x 10mm - Chiều dài 30 cm - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước tương ứng ống soi thực quản	Cái	1
146	17.3		Ống soi thực quản kèm tay cầm	- Ống soi, Công dụng để soi thực quản. Đường kính ngoài 8-10 x 12-14mm, đường kính trong 7 x 8mm - Chiều dài 20 cm, - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước tương ứng ống soi thực quản	Cái	1
147	17.4		Kẹp phẫu tích hàm cá sấu	- Dùng gấp hạt đậu hoặc dị vật mềm. Hàm cá sấu, hàm khoè, hàm hoạt động đôi, đường kính vỏ ngoài 2 mm - Chiều dài làm việc 45 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
148	17.5		Kẹp phẫu tích	- Dùng gấp hạt đậu hoặc dị vật mềm, đường kính vỏ ngoài 2 mm, - Chiều dài làm việc 45 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
149	17.6		Ống hút dịch	- Dùng để hút dịch trong soi thực quản, đường kính ngoài 3-4mm, có lỗ điều chỉnh trên tay - Chiều dài 45-47 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
150	17.7		Que quần gòn (cotton carrier)	- Que dùng để quần gòn cầm máu trong soi thực quản - Chiều dài 35-55 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
151	17.8		Khay bảo quản dụng cụ cho vệ sinh và hấp tiệt trùng	- Dùng để đựng dụng cụ soi thực quản. Gồm giữ ống soi bằng silicone và nắp đậy - Kích thước ( w x d x h ) : 640 x 216 x 78 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		DC24-18	Bộ nội soi thanh quản và vi phẫu thanh quản (18 mục)		Bộ	4
152	18.1		Dụng cụ treo thanh quản và đặt trên thành ngực	- Dùng trong soi thanh quản. Bộ phận chân để đặt trên ngực, di động được, có vòng thép không gỉ, đường kính 9-12 cm, - Chiều dài 30-35 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
153	18.2		Ống hút	- Dùng để hút dịch trong soi thanh quản. Đường kính ngoài 3-5 mm - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
154	18.3		Dụng cụ đốt cầm máu có kênh hút	- Dùng để cầm máu trong soi thanh quản. Tay cầm thuận tiện, cách điện, đường kính ngoài 3.5 mmC - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
155	18.4		Dây đốt điện cao tần đơn cực	- Dùng để kết nối máy đốt điện với dụng cụ đốt cầm máu. Đầu cầm 4-5 mm - Chiều dài 300-350 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
156	18.5		Thanh truyền sáng	- Dùng để nối nguồn sáng cho dụng cụ soi thanh quản. Đầu nối vệ sinh - Chiều dài làm việc 14-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Bộ	1
157	18.6		Kềm sinh thiết thanh quản	- Dùng sinh thiết lấy mẫu mô hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Hàm hình trứng, cỡ 3 x 4 mm, hàm mở 01 bên - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
158	18.7		Kẹp phẫu tích thẳng	- Kẹp dùng cắt hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Hàm hình muỗng tròn 2-3 mm, thẳng - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
159	18.8		Kẹp phẫu tích hàm cong	- Kẹp dùng gấp hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Hàm hình muỗng tròn 2-3 mm, hàm cong lên - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
160	18.9		Kẹp phẫu tích hàm cong phải	- Kẹp dùng gấp hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Hàm hình muống tròn 2-3 mm, hàm cong phải - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
161	18.10		Kẹp phẫu tích hàm cong trái	- Kẹp dùng gấp hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Hàm hình muống tròn 2-3 mm, hàm cong trái - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Bộ	1	
162	18.11		Kéo phẫu tích thẳng	- Kẹp dùng cắt hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Thẳng - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
163	18.12		Kéo phẫu tích hàm cong sang phải	- Kẹp dùng cắt hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
164	18.13		Kéo phẫu tích hàm cong sang trái	- Kẹp dùng cắt hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản - Chiều dài làm việc 23-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
165	18.14		Tay cầm	- Tay cầm dùng cho ống soi thanh quản - Kích thước phụ thuộc vào kích thước ống soi thanh quản tương ứng - Chất liệu thép không gỉ	Bộ	1	
166	18.15		Dao phẫu tích	- Kẹp dùng rạch cắt hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Hình liềm, cong, nhọn - Kích thước 22-24cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
167	18.16		Dao phẫu tích	- Dao dùng rạch cắt hạt, polyp, mô u trong soi thanh quản. Tròn, cắt theo chiều dọc - Kích thước 24-26 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
168	18.17		Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh	- Hộp dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật thanh quản. Nắp đậy đục lỗ - Kích thước : 321 x 90 x 45 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
169	18.18		Hộp nhựa 2 tầng cho bảo quản và vệ sinh	- Hộp dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật thanh quản. Nắp đậy đục lỗ - Kích thước : 530 x 250 x 145 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	19	DC24-19	<b>Bộ nội soi mũi xoang (32 mục):</b>			<b>Bộ</b>	<b>4</b>

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
170	19.1		Kim vách ngăn	- Kim dùng để cố định vách ngăn trong nội soi mũi xoang. Có khóa LUER, gấp góc - Kích thước 22G - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
171	19.2		Dao hình liềm	- Dao dùng rạch mô niêm mạc xoang, hốc mũi, đầu nhọn - Chiều dài 19-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
172	19.3		Que nâng 2 đầu	- Que nâng dùng để nâng thành xoang trong nội soi - Chiều dài 20-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
173	19.4		Muỗng nạo tròn	- Muỗng dùng nạo mô, tế bào sàng - Chiều dài 19-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
174	19.5		Muỗng nạo xoang trán	- Muỗng dùng nạo mô vùng xoang trán. Hình oval, cong 550, lưới cắt về phía trước - Chiều dài 19-22 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
175	19.6		Que thăm dò lỗ xoang hàm	- Que dùng thăm dò lỗ thông xoang hàm. Hai đầu, đầu hình quả banh, cỡ 1.2-1.5 mm và 2-2.5 mm - Chiều dài 19-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
176	19.7		Que nâng	- Que dùng để nâng thành xoang trong nội soi. 2 đầu, với đầu tù và đầu bén - Chiều dài 22.5-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
177	19.8		Muỗng nạo xoang trán	- Muỗng dùng để nạo niêm mạc xoang trán. Cong 900, hình trứng, lưới cắt về phía trước - Chiều dài 19-22 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
178	19.9		Que thăm dò xoang trán	- Que dùng thăm dò lỗ thông xoang trán. Cong, 02 đầu - Chiều dài 22-25cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
179	19.10		Ống hút, đầu nhọn	Ống hút dùng để hút dịch mũi xoang. Bề cong được, có bảng cầm nắm bằng ngón tay, đường kính 2,5 mm, khoá LUER - Chiều dài 13cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
180	19.11		Ống hút FRAZIER	- Ống hút dùng để hút dịch mũi xoang. Có nòng trong và lỗ thông điều chỉnh, có đánh dấu khoảng cách 5 cm - 9 cm, cỡ 9 Fr, - Chiều dài 10-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
181	19.12		Ống thông v.EICKEN	- Ống thông dùng để thông tắc ống hút mũi xoang. Bề cong được, khoá LUER, đầu cong dài, báng cầm nắm có răng cưa, đường kính 3-5 mm, - Chiều dài 12.5-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
182	19.13		Ống thông v.EICKEN	- Ống thông dùng để thông tắc ống hút mũi xoang. Lỗ thông điều chỉnh, khoá LUER, đầu cong ngắn, đường kính 3-5 mm - Chiều dài 12.5-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
183	19.14		Que nâng FREER	- Que nâng dùng để hút dịch mũi xoang và nâng thành xoang. Có kênh hút, với hình dạng que - Chiều dài 19-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
184	19.15		Muỗng nạo	- Muỗng dùng để nạo niêm mạc xoang. Hình chữ nhật, cỡ nhỏ - Chiều dài 19-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
185	19.16		Kềm phẫu tích STAMMBERGER STAMMBERGER RHINOFORCE II	- Kềm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Hàm cắt ngược lại - Chiều dài hoạt động 10-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
186	19.17		Kềm phẫu tích STAMMBERGER STAMMBERGER RHINOFORCE II	- Kềm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Hàm cắt ngược sang phải - Chiều dài hoạt động 10-12 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
187	19.18		Kềm phẫu tích STAMMBERGER STAMMBERGER RHINOFORCE II	- Kềm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Hàm cắt ngược quay sang trái - Chiều dài hoạt động 10-12cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
188	19.19		Kẹp phẫu tích HEUWIESER	- Kẹp dùng để kẹp giữ mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Hàm cong xuống dưới, hàm trên cong cố định 90 độ, hàm dưới di chuyển và mở ra sau 120 độ, với đầu nối vệ sinh - Chiều dài làm việc 10-12 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
189	19.20		Kèm mũi xoang BLAKESLEY-WILDE RHINOFORCE II	- Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Gập góc lên 90, cỡ 1 - Chiều dài làm việc 13-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
190	19.21		Kèm mũi xoang BLAKESLEY-WILDE RHINOFORCE II	-Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Gập góc lên 450, cỡ 1 - Chiều dài làm việc 13-15cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
191	19.22		Kèm mũi xoang BLAKESLEY RHINOFORCE II	- Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Thẳng, cỡ 1 - Chiều dài làm việc 13-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
192	19.23		Kéo mũi xoang RHINOFORCE II	- Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Thẳng - Chiều dài làm việc 13-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
193	19.24		Kèm mũi xoang MACKAY-GRUNWALD RHINOFORCE II	- Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Loại through-cutting, thẳng, cỡ 1 - Chiều dài làm việc 13-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
194	19.25		Kèm mũi xoang MACKAY-GRUNWALD RHINOFORCE II	Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Loại through-cutting, gập góc lên 450, cỡ 1, Chiều dài làm việc 13-15 cm, thép không gỉ	Cái	1
195	19.26		Kèm phẫu tích mũi xoang STAMMBERGER	- Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Hàm cắt trên- dưới quay trái - Chiều dài 10-12 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
196	19.27		Kèm phẫu tích mũi xoang STAMMBERGER	- Kèm dùng để cắt mô, niêm mạc trong nội soi mũi xoang. Hàm cắt trên- dưới quay phải - Chiều dài 10-12 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
197	19.28		Kềm sinh thiết	- Kềm dùng để sinh thiết mẫu mô vùng xoang, hốc mũi. Đường kính má kềm 3-4 x 5-7 mm, hàm hình oval, đường kính thân 1.5-2.5 mm - Chiều dài 14-16 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
198	19.29		Kềm gặm xương HAJEK-KOFLER	- Kềm dùng để gặm xương vùng thành xoang, hốc mũi. Cứng, hàm mở lên 90 độ, không cắt xuyên, cỡ 3.5 x 3.7 mm - Chiều dài làm việc 14-16 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
199	19.30		Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh ống soi	- Hộp dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật mũi xoang. Nắp đậy đục lỗ, kích thước : 321 x 90 x 45 mm, thép không gỉ	Cái	1	
200	19.31		Hộp nhựa 2 tầng cho bảo quản và vệ sinh	- Hộp dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật mũi xoang. Nắp đậy đục lỗ, - Kích thước : 530 x 250 x 145 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
201	19.32		Hộp bảo quản dụng cụ	- Hộp dùng để đựng dụng cụ phẫu thuật mũi xoang - khay lưới, ngăn xếp chồng lên nhau, Nắp đậy, Tấm đệm silicone bên trong, 02 Ghim cố định, 12 cái / bao, 02 Dây buộc silicone, 12 cái / bao - Chất liệu thép không gỉ	Bộ	1	
	<b>20</b>	<b>DC24-20</b>	<b>Bộ nội soi tai, gồm 23 mục</b>			<b>Bộ</b>	<b>2</b>
202	20.1		Dụng cụ banh mở vạt HARTMANN	- Dụng cụ dùng để banh rộng ống tai ngoài. Cho người lớn - Chiều dài 13-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
203	20.2		Dụng cụ nạo xương LEMPERT	- Dụng cụ dùng để nạo xương vùng tai chẩm. Bề rộng 3 mm - Chiều dài 19-23 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
204	20.3		Kẹp phẫu tích WULLSTEIN	- Kẹp dùng để giữ mô, da vùng tai. Răng cưa - Chiều dài 15-20 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
205	20.4		Dụng cụ banh PLESTER	- Dụng cụ dùng để banh rộng phẫu trường phẫu thuật vùng tai. 2 x 2 răng - Chiều dài 11-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
206	20.5		Kẹp mang kim	- Kẹp dùng để giữ kim chỉ phẫu thuật. Ruột bằng chất liệu tungsten - Chiều dài 13-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	



Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
207	20.6		Dụng cụ banh tai HARTMANN	- Dụng cụ dùng để banh rộng ống tai ngoài. Kiểu chuẩn, đường kính ngoài 6-8 mm - Chiều dài làm việc 3.6-3.8 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
208	20.7		Kẹp phẫu tích tai HARTMANN	- Kẹp dùng để giữ mô, da vùng tai. Hơi mảnh, răng cưa, 1 x 4.5 mm - Chiều dài làm việc 8-10 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
209	20.8		Kẹp phẫu tích tai WULLSTEIN	- Kẹp dùng để giữ mô, da vùng tai. Hơi mảnh, hàm hình cúp oval, 0.9 mm - Chiều dài làm việc 8-10 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
210	20.9		Kẹp phẫu tích tai HARTMANN	- Kẹp dùng để giữ mô, da vùng tai. Hàm hình cúp tròn, đường kính 2 mm - Chiều dài làm việc 8-10 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
211	20.10		Kéo phẫu tích BELLUCCI	- Kéo dùng để cắt mô vùng tai. Mảnh, kiểu chuẩn, lưỡi - Chiều dài 8 mm, Chiều dài làm việc 8-10 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
212	20.11		Kèm phẫu tích HOUSE-DIETER	- Kèm dùng để cắt, giữ mô vùng tai. Hàm cắt mở lên - Chiều dài làm việc 8-10 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
213	20.12		Ống hút, gấp góc, khóa LUER	- Ống hút dùng để hút dịch, máu trong phẫu thuật vùng tai. Đường kính ngoài 0.7 mm - Chiều dài làm việc 6-8 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
214	20.13		Ống hút, gấp góc, khóa LUER	- Ống hút dùng để hút dịch, máu trong phẫu thuật vùng tai. Đường kính ngoài 1.3 mm - Chiều dài làm việc 6-8 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
215	20.14		Ống hút PLESTER	- Ống hút dùng để hút dịch, máu trong phẫu thuật vùng tai. Với bản cầm nắm, lỗ chỉnh áp lực, khóa LUER, cỡ 5-7 Fr, - Chiều dài 20-25 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
216	20.15		Móc phẫu tích tai	- Móc dùng để móc giữ mô, da vùng tai. Đầu xa không hình banh, cỡ 1 - Chiều dài 15.5-17 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
217	20.16		Que thăm dò	- Que dùng để thăm dò cấu trúc khoang, lỗ thông vùng tai. Đầu xa hình bánh, gập góc 450, cờ 3 - Chiều dài 15.5-17 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
218	20.17		Dụng cụ nạo tai BUCK	- Dụng cụ dùng để nạo mô vùng tai. Bền, cờ 00 - Chiều dài 14.5-17 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
219	20.18		Móc phẫu tích PLESTER	- Móc dùng để móc giữ mô, da vùng tai. Quay ngược, 2 mm - Chiều dài 15.5-17 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
220	20.19		Dụng cụ nạo HOUSE	- Dụng cụ dùng để nạo mô vùng tai. Lớn, muống cờ 2 x 3.2 mm và 1.6 x 2.6 mm - Chiều dài 15-17 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
221	20.20		Móc phẫu tích PLESTER	- Móc phẫu tích PLESTER, dùng để móc giữ mô, da vùng tai. Cờ 0.6-0.8 mm - Chiều dài 16-20 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
222	20.21		Móc phẫu tích, 45 <sup>0</sup>	- Móc phẫu tích, 45 độ. Dùng để móc giữ mô, da vùng tai. Cờ 1-1.2 mm - Chiều dài 16-20 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
223	20.22		Dao hình liềm PLESTER	- Dao hình liềm PLESTER dùng để rạch màng nhĩ, mô vùng tai. Lưỡi đôi, kiểu chuẩn, hơi cong - Chiều dài 16-20 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
224	20.23		Móc phẫu tích, 90 <sup>0</sup>	- Móc phẫu tích dùng để móc giữ mô, da vùng tai. Cờ 0.4-0.6 mm - Chiều dài 16-20 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
225	21	DC24-21	Mâm inox	- Mâm loại tráng men - Kích thước 30x20 cm, cao khoảng 3-5 cm - Chất liệu inox 304	Cái	30
226	22	DC24-22	Kéo cắt băng keo	- Kéo dùng để cắt băng keo - Chiều dài 18-20 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	50
227	23	DC24-23	Fix champ	- Kẹp dùng để kẹp giữ khăn mổ, Loại dạng cong - Chiều dài 13,5-15 cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	80

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
228	24	DC24-24	Gối cố định đầu bệnh nhân nằm ngửa	- Dùng cố định đầu bệnh nhân trong tư thế nằm ngửa, đầu đặt thấp, sử dụng với mặt nạ cố định và bộ dụng cụ cố định đầu bệnh nhân, sử dụng cho việc cố định đầu bệnh nhân. - Kích thước 25x12 cm - Chất liệu của gối mút bọc da,	Cái	12	
229	25	DC24-25	Phim nhuộm màu bức xạ	- Phim dùng cho đo đặc liều xạ trên người bệnh nhân trong khi điều trị. Mức năng lượng sử dụng: 6MeV-10MeV. Dải liều sử dụng: 0.1-20Gy. - Kích thước tối thiểu 10cmx10cm. - Khối lượng riêng và mật độ của vật liệu tương đương với mô trong cơ thể. Phim có thể được xử lý với môi trường ánh sáng phòng, không rửa với hóa chất	Tấm	50	
230	26	DC24-26	Dụng cụ cố định vùng đầu đến vai	- Dụng cụ dùng để cố định vùng đầu đến vai, có chốt gắn mặt nạ cố định từ đầu đến vai, có chốt gắn với bàn điều trị xạ trị tại khoa, có thể tùy chỉnh cao độ của đầu bệnh nhân, tải trọng cho phép trên 30 kg - Chất liệu: Carbon, không cản tia bức xạ, - Tính năng: gắn mặt nạ cố định vùng đầu đến vai bệnh nhân, kích thước chiều ngang 40-60cm, chiều cao 50-70cm, dày 1-5cm	Cái	6	
231	27	DC24-27	Bộ kiểm chuẩn liều cho kế hoạch xạ trị IMRT, VMAT	- Bộ kiểm chuẩn liều kế có khả năng đo đạt, kiểm tra, kiểm chuẩn chất lượng kế hoạch xạ trị IMRT, VMAT, SBRT, SRS. Khối lượng nhỏ, dễ dàng di chuyển giữa các phòng điều trị, có phần mềm phân tích kết quả đi kèm, có bộ phantom đi kèm để mô phỏng cơ thể người, Phantom có tích hợp đo đặc với phim và buồng ion hóa	Bộ	1	
	28	DC24-28	Banh kéo sườn, gồm 20 mục			Bộ	3
232	28.1		Thanh vòm A	- Dùng để neo các banh tự giữ CS - Kích thước 600-800mm. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
233	28.2		Thanh đỡ	Thanh đỡ B, có thể điều chỉnh chiều cao mỗi lần 5cm, đến 35cm - Kích thước 600mm(± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
234	28.3		Banh CS	- Banh loại CS neo vào thanh vòm A, có lẫy móc hãm để nhà dây thép móc vào lưới banh . - Chất liệu thép không gỉ	Cái	3
235	28.4		Móc yên ngựa 1	Móc yên ngựa kiểu số 01 - Kích thước 60 x 65 mm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
236	28.5		Móc dẹt 2	- Móc dẹt kiểu số 02 - Kích thước 65 x 60 mm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
237	28.6		Móc dẹt 3	- Móc dẹt kiểu số 03 - Kích thước 60 x 50 mm(( ± 3% ) ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
238	28.7		Móc yên ngựa 4	- Móc yên ngựa kiểu số 04 - Kích thước 55 x 55 mm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
239	28.8		Chốt cố định	- Chốt cố định E, chống trượt. Giữ thanh đỡ thẳng với bàn mổ. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
240	28.9		Móc cơ bản	- Móc cơ bản kiểu WRD - Kích thước 60 x 50 mm ± 3 - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
241	28.10		Lưới vén bản rộng 1	- Lưới vén bản rộng có thể uốn được - Kích thước 170 x 50 mm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
242	28.11		Lưới vén đơn 2	- Lưới vén đơn có thể uốn được - Kích thước 100 x 50 mm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
243	28.12		Lưới vén bản rộng 3	- Lưới vén bản rộng có thể uốn được - Kích thước 140 x 50 mm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
244	28.13		Lưới vén đơn 4	- Lưới vén đơn, uốn được - Kích thước 85 x 50 mm( ± 3% ) - Thép không gỉ có thể uốn được	Cái	1
245	28.14		Thanh hình boomeran	- Thanh dạng Boomeran có thể xoay ngược có tác dụng thay đổi hướng banh - Chiều dài khoảng 230 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
246	28.15		Thanh đỡ thẳng	- Thanh đỡ thẳng B giúp cố định và tránh khung tự quay khi dùng kèm chốt - Chiều dài khoảng 500 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
247	28.16		Banh CS	- Banh loại CS neo vào thanh vòm A, có lẫy móc hãm để nhà dây thép móc vào lưới banh . - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
248	28.17		Chốt cố định	- Chốt cố định E chống xoay, có chốt để chắc chắn nối với thanh đỡ BOB. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
249	28.18		Nắp hộp	Nắp hộp hấp dụng cụ - Kích thước 708 x 280 x 35 mm ( ± 3% ) - Chất liệu bằng hợp kim nhôm.	Cái	1	
250	28.19		Đáy hộp	Đáy hộp kín tiết trùng - Kích thước 711 x 285 x 138 mm, ( ± 3% ) - Chất liệu hợp kim nhôm.	Cái	1	
251	28.20		Khay lưới	Khay lưới dùng để đựng dụng cụ - Kích thước 660 x 253 x 86 mm ( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	29	DC24-29	<b>Bộ banh vén tạng nội soi, gồm 3 mục</b>			Bộ	1
252	29.1		Banh vén tạng	- Banh vén tạng không chấn thương, Đầu tam giác , đáy 60 mm , ĐK 5 mm - Chiều dài 32 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
253	29.2		Banh vén tạng gấp góc	- Banh vén tạng không chấn thương,kiểu tam giác, gấp góc , đáy 60 mm , ĐK 5 mm - Chiều dài 32 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
254	29.3		Banh vén tạng dạng ngón tay	- Banh vén tạng không chấn thương, Dạng ngón tay Finger golden, ĐK 5 mm, - Chiều dài 38 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	30	DC24-30	<b>Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi, gồm 21 mục</b>			Bộ	1
255	30.1		Kẹp mang kim cong trái nội soi	- Kẹp mang kim cong trái - Kích thước 5mmx36 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
256	30.2		Kẹp mang kim cong phải nội soi	- Kẹp mang kim cong phải - Kích thước 5 mm x 36 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
257	30.3		Kéo nhỏ nội soi	- Kéo nội soi cong , ngàm, hoạt động đơn - Kích thước 5 mm x 36 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
258	30.4		Kẹp bóc tách Maryland nội soi	- Kẹp bóc tách Maryland nội soi, ngàm cong , - Kích thước 5 mm x 36 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật			Đơn vị tính	Số lượng
259	30.5		Kẹp mô nội soi Johann Fenes	- Kẹp mô nội soi Fenes ngàm rộng, hoạt động đôi - Kích thước 5 mm x 36 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
260	30.6		Kéo Metz nội soi	- Kéo Metz nội soi cong, thép không gỉ, lưỡi răng cưa - Kích thước 5 mm x 36 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
261	30.7		Lưỡi kẹp mang kim cong trái	- Lưỡi kẹp mang kim ngàm cong trái - Kích thước 5mm x 36cm,( ± 3% ), - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
262	30.8		Lưỡi kẹp mang kim cong phải	- Lưỡi kẹp mang kim ngàm phải - Kích thước 5mm x 36cm,( ± 3% ), - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
263	30.9		Kéo Metzenbaum nội soi loại dùng 1 lần	- Kéo Metzenbaum cong, ngàm hoạt động đôi , núm vặn xoay 360 độ, tiết trùng - Kích thước 5 mm x 33 cm,( ± 3% ) - Chất liệu Thép không gỉ + nhựa.	Cái	1		
264	30.10		Kẹp đốt lưỡng cực Bipolar loại dùng 1 lần	- Kẹp đốt lưỡng cực, ngàm rộng giúp kẹp mô tốt hơn, Thiết kế cách nhiệt hạn chế tổn thương khi sử dụng, Vật liệu phủ đặc biệt giúp mô hạn chế bị bám dính, Có khóa đóng mở trong quá trình kẹp và đốt, loại kết nối L - Chiều dài 330 mm,( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ + nhựa.	Cái	1		
265	30.11		Kéo Metzenbaum	- Kéo Metzenbaum nội soi cong tay cầm dáng báng súng, ĐK ≥ 4,5 mm, - Chiều dài làm việc 350 mm,( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
266	30.12		Kẹp bóc tách nội soi Mixer	- Kẹp bóc tách nội soi Mixer. Vỏ ngoài cách điện, ĐK 10 mm - Chiều dài làm việc 350 mm,( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
267	30.13		Kẹp đốt lưỡng cực Bipolar	- Kẹp đốt lưỡng cực ngàm rộng 3 mm, rộng, ĐK 5 mm, - Chiều dài làm việc ≥ 340 mm, ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
268	30.14		Bulldog nội soi , thẳng	- Kẹp DeBakey Bulldog dành cho ứng dụng robot nội soi, răng cưa 58 mm, thẳng - Chiều dài 110 mm( ± 3% ) - Chất liệu titan	Cái	1		
269	30.15		Bulldog nội soi hơi cong trái	- Kẹp DeBakey Bulldog dành cho ứng dụng robot nội soi, răng cưa 50 mm, hơi cong trái - Chiều dài 102 mm,( ± 3% ) - Chất liệu titan	Cái	1		

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
270	30.16		Kẹp gấp Bulldog , Chiều dài 350 mm	- Kẹp bulldog dùng trong phẫu thuật Robot ,tay cầm dạng khóa bánh cóc, đường kính 10mm - Chiều dài làm việc 350 mm,( ± 3% ) - chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
271	30.17		Kẹp gấp Bulldog , Chiều dài 380 mm	- Kẹp bulldog dùng trong phẫu thuật Robot ,tay cầm dạng khóa bánh cóc, ĐK 10mm - Chiều dài làm việc 380 mm,( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
272	30.18		Kẹp Satinsky nội soi	- Kẹp Debakey Satinsky 2x3 răng, có khóa - Chiều dài 360mm,( ± 3% ), - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
273	30.19		Nắp hộp	- Nắp hộp có màng lọc - Kích thước 588 x 281 x 36 mm,± 3%, - Chất liệu hợp kim nhôm	Cái	1	
274	30.20		Đáy hộp	Đáy hộp kín -Kích thước 592 x 274 x 120 mm,± 3% - Chất liệu hợp kim nhôm	Cái	1	
275	30.21		Khay lưới	- Khay lưới có chân - Kích thước 540 x 253 x 76 mm,( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
276	31	DC24-31	<b>Hộp kính đo thị lực</b>	- Mắt kính cầu âm: 35 đôi ( từ - 0.12D đến - 20.00D) - Mắt kính cầu dương: 35 đôi ( +0.12D đến +20.00D) - Mắt kính trụ âm: 17 đôi ( từ - 0.12D đến -6.00D) - Mắt kính trụ dương: 17 đôi ( từ +0.12D đến +6.00D) Phụ kiện kèm theo: 01 kính lọc xanh, 01 kính lọc đỏ, 01 kính lọc xanh lá cây, 01 kính lọc nâu ; 02 kính phẳng, 01 kính đen che mắt, 01 kính khe 0.5mm, 01 kính khe 1.0mm, 01 kính lỗ 0.5mm, 01 kính lỗ 1.0mm, 01 kính lỗ 1.5 mm - lăng kính: 08 - hộp gỗ		Hộp	1
	32	DC24-32	<b>Bộ dụng cụ Phaco (11 mục)</b>			Bộ	1
277	32.1		Vành mi	- Vành mi người lớn, khóa đỉnh vít. - Má vành 13-15mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
278	32.2		Chóp phaco	- Chóp Phaco độ Chiều dài cạnh cắt 0.85mm -1.25mm, - Chiều dài 115 - 120mm, - Chất liệu titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
279	32.3		Kéo kết mạc cong	- Kéo đầu nhọn, lưỡi 5-8mm, - Chiều dài 80 - 100 mm, - Chất liệu titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
280	32.4		Kéo cắt bao	- Kéo cắt bao. Đầu nhọn, lưỡi 5 - 8mm, - Chiều dài 80 - 100mm - Chất liệu titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
281	32.5		Kẹp giác mạc	- Kẹp giác mạc, máu 0.12 - 0,14mm - Chiều dài 70 - 80mm, - Chất liệu Titan, hoặc thép không gỉ	Cái	1	
282	32.6		Kẹp kết mạc	- Kẹp kết mạc. Không máu, - Chiều dài 100-120mm, - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
283	32.7		Panh xé bao thủy tinh thể	- Panch đầu kẹp 10.5-12mm - Chiều dài 100-120mm - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
284	32.8		Kẹp gấp thủy tinh thể	- Kẹp gấp thủy tinh thể - Chiều dài 105-110mm - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
285	32.9		Kìm mang kim chỉ 10-0	- Kìm mang kim chỉ 10-0. - Chiều dài 110-135mm - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
286	32.10		Cán dao	- Cán dao - Chiều dài 100 - 120mm - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
287	32.11		Spatula thẳng	- Spatula thẳng. Đầu dẹt. - Chiều dài 100-120mm - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
	33	DC24-33	<b>Bộ dụng cụ Glaucoma (13 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
288	33.1		Cán dao	- Cán dao dùng mổ Glaucoma - Chiều dài cán dao khoảng 100 - 120mm, - Chất liệu: Thép không gỉ hoặc titan	Cái	1	
289	33.2		Compa	- Compa hai mặt - Chiều dài dài đo khoảng 0-20mm - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
290	33.3		Kẹp giác mạc	- Kẹp giác mạc, loại có máu 0.12 - 0,14mm, - Chiều dài khoảng 70 - 80mm, - Chất liệu: Titan, hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
291	33.4		Kẹp kết mạc	- Kẹp kết mạc, loại không máu, - Chiều dài khoảng 100-120mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	



Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
292	33.5		Kim mang kim chỉ 10-0	- Kim mang kim chỉ 10-0. - Chiều dài khoảng 110-135mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
293	33.6		Kéo kết mạc cong đầu tù	- Kéo kết mạc cong đầu tù, - Chiều dài lưỡi khoảng 5-8mm, - Chiều dài kéo khoảng 80 - 100 mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
294	33.7		Kéo giác mạc	- Kéo giác mạc. - Chiều dài lưỡi khoảng 7-9mm. - Chiều dài kéo khoảng 80-100mm - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
295	33.8		Bấm bè	- Bấm bè, tạo lỗ tròn 0.5-1.0mm, - Chiều dài khoảng 100-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
296	33.9		Kelly	- Kẹp Kelly dạng cong. - Chiều dài khoảng 100-130mm, - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
297	33.10		Spatula thẳng	- Spatula dạng thẳng, có đầu dẹt. - Chiều dài khoảng 100-120mm. - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
298	33.11		Banh có máu bắt cơ trực	- Bánh bắt cơ trực, dạng thẳng, có máu,  - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
299	33.12		Vành mi	- Vành mi người lớn, - Má vành khoảng 13-15mm, - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ - Khóa đỉnh vít	Cái	1	
300	33.13		Móc lác	- Móc cơ. - Chiều dài khoảng 130-150mm. - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
	<b>34</b>	<b>DC24-34</b>	<b>Bộ dụng cụ tạo hình mi (14 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
301	34.1		Cán dao	- Cán dao dụng cụ tạo hình mi. - Chiều dài khoảng 100 - 120mm, - Chất liệu Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
302	34.2		Compa	- Compa hai mặt - Chiều dài dài đo khoảng 0-20mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
303	34.3		Kẹp sãng	- Kẹp sãng mỏng - Chiều dài khoảng 60-100mm, - Chất liệu: titan hoặc thép không gỉ	Cái	4	
304	34.4		Panh khâu da	- Bánh khâu da, có máu 0.3-0.5mm, - Chiều dài khoảng 100-120mm, - Chất liệu: titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
305	34.5		Kẹp cố định cơ	- Kẹp dùng cố định cơ, mẫu 0.3-0,5mm, - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
306	34.6		Kelly thẳng	- Kẹp Kelly dạng thẳng, - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
307	34.7		Kelly cong	- Kẹp Kelly dạng cong, - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
308	34.8		Móc cơ	- Móc cơ - Chiều dài khoảng 130-150mm. - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
309	34.9		Thanh đê	- Thanh đê mi, - Bề rộng thanh khoảng 20-25mm, - Chiều dài thanh 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
310	34.10		Kim mang kim chi 5-0, 6-0	- Kim hàm kẹp - Chiều dài kim khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
311	34.11		Bồ cào	- Bồ cào đầu 4 răng tù, - Chiều dài khoảng 130-150mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
312	34.12		Móc kéo tổ chức da	- Móc dùng để kéo tổ chức da - Chiều dài khoảng 120-140mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	2	
313	34.13		Kéo cong đầu tù	- Kéo cong dạng đầu tù, cán dẹt - Chiều dài lưỡi khoảng 15-25mm, - Chiều dài kéo khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
314	34.14		Kéo thẳng đầu nhọn	- Kéo thẳng đầu nhọn, - Chiều dài lưỡi kéo khoảng 15-25mm, - Chiều dài kéo khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
	<b>35</b>	<b>DC24-35</b>	<b>Bộ dụng cụ lệ mũi (gồm 14 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
315	35.1		Kim găm xương Kerrison	- Kim dùng để găm xương - Chiều dài lưỡi kim khoảng 3x3mm, - Chiều dài kim khoảng 200-300mm, - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1	
316	35.2		Banh mũi, cỡ người lớn, 20mm	- Dùng banh mũi, cỡ người lớn, - Chiều dài khoảng 13-15cm, - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
317	35.3		Thanh nâng màng xương	- Dùng nâng màng xương, 1 đầu sắc 1 đầu tù, - Chiều dài thanh khoảng 170-200mm, - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1
318	35.4		Banh túi lệ	- Dùng banh túi lệ, dạng cong, - Kiểu răng 3×3 - Có khóa đỉnh vít, - Chất liệu: Titan	Cái	1
319	35.5		Bồ cào	- Bồ cào - Kiểu đầu 4 răng tù, - Chiều dài khoảng 130-150mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1
320	35.6		Cán dao	- Cán dao dụng cụ lệ mũi. - Chiều dài cán khoảng 100 - 120mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1
321	35.7		Cặp xương	- Cặp xương dụng cụ lệ mũi, - Kiểu hàm cong 3-5mm, - Chiều dài khoảng 180-200 mm, - Chất liệu: thép không gỉ	Cái	1
322	35.8		Panh có máu 0,3mm	- Dùng banh khâu da, - Kiểu banh có máu 0.3-0.5mm, - Chiều dài khoảng 100-120mm, - Chất liệu: titan hoặc thép không gỉ	Cái	1
323	35.9		Kim mang kim	- Dùng kẹp kim. - Kim hàm kẹp 10-13mm, - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1
324	35.10		Kéo thẳng đầu nhọn	- Dùng để cắt - Kiểu thẳng đầu nhọn, - Chiều dài lưỡi khoảng 15-25mm, - Chiều dài kéo 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1
325	35.11		Kelly thẳng	- Dùng để kẹp cầm máu, bóc tách - Kiểu Kelly thẳng không máu, - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	2
326	35.12		Kelly cong	- Dùng để kẹp cầm máu, bóc tách - Kiểu Kelly cong, không máu, - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	2
327	35.13		Que thông lệ quản	- Dùng thông lệ quản. - Cỡ 1, D=0.25mm, - Cỡ 2, D=0.50mm, - Cỡ 3, D=0.75mm, - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
328	35.14		Que nong điềm lẹ	- Dũa nong điềm lẹ. - Chiều dài que khoảng 100-120mm. - Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1	
	<b>36</b>	<b>DC24-36</b>	<b>Bộ dụng cụ ngoài bao (gồm 16 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
329	36.1		Panh giữ cơ trực	- Dũa để bắt cơ trực, - Kiểu banh thẳng, có máu, - Chiều dài banh khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
330	36.2		Panh cặp thủy tinh thể nhân tạo	- Dũa để cặp thủy tinh thể nhân tạo. - Chiều dài khoảng 105-110mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
331	36.3		Vành mi	- Vành mi người lớn, Khóa đỉnh vít - Má vành khoảng 13-15mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
332	36.4		Cán dao	- Cán dao dụng cụ ngoài bao. - Chiều dài cán khoảng 100 - 120mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
333	36.5		Kẹp giác mạc cong	- Dũa kẹp giác mạc - Kiểu cong, máu 0.12 - 0,14mm, - Chiều dài 70 - 80mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
334	36.6		Kéo kết mạc cong	- Dũa cắt kết mạc kiểu cong, đầu nhọn, - Chiều dài lưỡi khoảng 5-8mm, - Chiều dài kéo khoảng 80 - 100 mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
335	36.7		Kéo cắt bao thủy tinh thể cong	- Dũa cắt bao thủy tinh thể kiểu cong, đầu nhọn, - Chiều dài lưỡi khoảng 5 - 8mm, - Chiều dài kéo khoảng 80 - 100mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
336	36.8		Panh giác mạc	- Dũa kẹp giác mạc. Kiểu có máu 0.12 - 0,14mm, - Chiều dài banh khoảng 70 - 80mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
337	36.9		Panh xé bao thủy tinh thể	- Dũa để xé bao thủy tinh thể - Banh đầu kẹp khoảng 10.5-12mm, - Chiều dài banh 100-120mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	
338	36.10		Móc xoay thủy tinh thể nhân tạo	- Dũa để móc xoay thủy tinh thể nhân tạo. - Dạng đầu cùn, bề góc - Kích thước khoảng 110-130mm, - Chiều dài lưỡi khoảng 0.2-0.3mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ.	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
339	36.11		Kìm mang kim chỉ 10-0	- Kìm mang kim chỉ 10-0. - Chiều dài kìm khoảng 110-135mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
340	36.12		Ăng móc thủy tinh thể	- Ăng móc thủy tinh thể. - Chiều dài khoảng 120-140mm, - Chất liệu: Cán titan, bộ phận khác thép không gỉ	Cái	1	
341	36.13		Móc lác	- Dùng móc cơ. - Chiều dài khoảng 130-150mm. - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
342	36.14		Spatula thẳng	- Spatula dạng thẳng, có đầu dẹt. - Chiều dài khoảng 100-120mm. - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
343	36.15		Kelly thẳng	- Kẹp Kelly dạng thẳng, - Chiều dài khoảng 110-130mm, - Chất liệu: Titan hoặc thép không gỉ	Cái	1	
344	36.16		Kim simcoe rửa hút chất thủy tinh thể	- Dùng hút rửa chất thủy tinh thể. - Kích thước cả hai ống tưới và hút 23/23G - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
345	37	DC24-37	Kéo cắt chỉ	- Dùng cắt chỉ vết thương - Chiều dài khoảng 180-200 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
	38	DC24-38	<b>Bộ banh phẫu thuật bụng (18 mục)</b>			1	<b>Bộ</b>
346	38.1		Thanh chống hệ thống	- Dùng để nối với bàn mổ và thanh ngang - Chiều dài 45cm $\pm 3\%$ , - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
347	38.2		Thanh ngang Booker	- Thanh thẳng, đường kính 2,5cm ( $\pm 3\%$ ), - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
348	38.3		Chốt ghép nối bằng thép không gỉ	- Dùng ghép nối các thanh - Kích thước chốt 2,5x2,5cm $\pm 3\%$ , - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
349	38.4		Thanh ngang linh hoạt	- Thanh thẳng, đường kính 2,5cm $\pm 3\%$ , - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
350	38.5		Bộ khóa cơ bánh cóc	- Dùng khóa lưới banh vào khung banh, theo 1 hướng - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
351	38.6		Bộ khóa cơ bánh cóc, Tilt	- Dùng khóa lưới banh vào khung banh, có thể chuyển hướng - Chất liệu thép không gỉ	Cái	6	
352	38.7		Khung banh Oval cỡ trung bình	- Dạng có khóa, - Kích thước 26.7x36.8 cm $\pm 3\%$ - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
353	38.8		Khung banh đoạn nối dạng vòng cỡ trung bình	- Dạng có khóa, chia đoạn nối, linh hoạt, - Kích thước 26.7 x 48.3 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
354	38.9		Lưỡi banh Balfour	- Kích thước 6.7 x 7.6 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
355	38.10		Lưỡi banh, Kelly 1	- Kích thước lưỡi 5.1 x 7.6 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
356	38.11		Lưỡi banh, Kelly 2	- Kích thước lưỡi 5.1 x 10.2 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
357	38.12		Lưỡi banh, Kelly 3	- Kích thước lưỡi 5.1 x 12.7 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
358	38.13		Lưỡi banh, Kelly 4	- Kích thước lưỡi 5.1 x 15.2 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
359	38.14		Lưỡi banh malleable 1	- Kích thước lưỡi 7.6 x 15.2 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
360	38.15		Lưỡi banh malleable 2	- Kích thước lưỡi 5.1 x 15.2 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
361	38.16		Lưỡi banh malleable 3	- Kích thước lưỡi 3.8 x 15.2 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
362	38.17		Lưỡi banh dạng Harrington	- Kích thước lưỡi 2.5 x 14.3 x 6.4 cm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
363	38.18		Banh dáng móc Gelpi	- Kích thước - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	<b>39</b>	<b>DC24-39</b>	<b>Bộ banh kéo sườn (19 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
364	39.1		Thanh vòm A	- Dùng để neo các móc, - Kích thước khoảng 600-800mm. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
365	39.2		Thanh đỡ B	- Dùng để đỡ hệ thống kéo sườn, - Kích thước khoảng 600mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
366	39.3		Banh tự giữ	- Dùng để móc lưỡi banh neo vào thanh vòm A - Chất liệu thép không gỉ	Cái	4	
367	39.4		Móc yên ngựa 1	- Dùng kéo sườn - Kích thước khoảng 60 x 65 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	
368	39.5		Móc dẹt 1	- Dùng kéo sườn - Kích thước 65 x 60 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
369	39.6		Móc dẹt 2	- Dùng kéo sườn - Kích thước 60 x 50 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
370	39.7		Móc yên ngựa 2	- Dùng kéo sườn - Kích thước 55 x 55 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
371	39.8		Chốt cố định	- Dùng để chốt nối thanh đỡ B với bàn phẫu thuật - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
372	39.9		Móc cơ bản	- Dùng để banh vén - Kích thước 60 x 50 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
373	39.10		Lưỡi vén bản rộng 1	- Dùng để banh vén, có thể uốn được - Kích thước 170 x 50 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
374	39.11		Lưỡi vén đơn 1	- Dùng để banh vén có thể uốn được - Kích thước 100 x 50 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
375	39.12		Lưỡi vén bản rộng 2	- Dùng để banh vén có thể uốn được - Kích thước 140 x 50 ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
376	39.13		Lưỡi vén đơn 2	- Dùng để banh vén có thể uốn được - Kích thước 85 x 50 mm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
377	39.14		Lưỡi banh bên hạnh nhân kết nối với dây xích kiểu D1, lớn	- Lưỡi banh bên hạnh nhân kết nối với dây xích kiểu D1, cỡ lớn - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
378	39.15		Chốt giữ lưỡi banh bên hạnh nhân với móc lò xo kiểu SF	- Chốt giữ lưỡi banh bên hạnh nhân với móc lò xo kiểu SF - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
379	39.16		Lưỡi banh bên hạnh nhân kết nối với dây xích kiểu D2, nhỏ	- Lưỡi banh bên hạnh nhân kết nối với dây xích kiểu D2, cỡ nhỏ - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
380	39.17		Thanh dạng Boomerang	- Dùng thay đổi hướng banh, có thể xoay ngược - Chiều dài thanh khoảng 230-250 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
381	39.18		Thanh đỡ BOB	- Dùng giúp cố định và tránh khung tự quay khi dùng kèm chốt - Chiều dài thanh khoảng 500-600 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
382	39.19		Chốt cố định	- Dùng giữ thanh đỡ BOB chống xoay. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	<b>40</b>	<b>DC24-40</b>	<b>Banh vén tạng và tay giữ (5 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
383	40.1		Banh vén tạng	- Dùng vén tạng. Kiểu tam giác, đáy 60 mm, đường kính 5 mm, - Chiều dài 32 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
384	40.2		Banh vén tạng gấp góc	- Dùng vén tạng. Kiểu tam giác, gấp góc, đáy 60 mm, đường kính 5 mm - Chiều dài 32 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
385	40.3		Banh vén tạng Dạng ngón tay	- Dùng vén tạng. Kiểu dạng ngón tay, đường kính 5 mm - Chiều dài 38 cm ± 3% - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
386	40.4		Tay đơn giữ banh gắn vào bàn mổ	- Dùng kết nối với chốt kẹp dụng cụ - Kích thước 21-23 inch. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
387	40.5		Chốt kẹp dụng cụ	- Dùng cố định tay đơn vào bàn phẫu thuật, - Đường kính từ 3,5 đến 15 mm( ± 3% ) - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	<b>41</b>	<b>DC24-41</b>	<b>Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi (15 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>4</b>
388	41.1		Kẹp mang kim nội soi	- Kẹp mang kim - Chiều dài khoảng 310mm (± 3%) - Đường kính khoảng 5mm - Dạng thẳng, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
389	41.2		Kéo nhỏ nội soi	- Kéo phẫu thuật nội soi đơn cực nhỏ, lưỡi cong trái - Chiều dài khoảng 310mm (± 3%) - Đường kính khoảng 5mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
390	41.3		Kẹp bóc tách Maryland nội soi	- Dùng bóc tách - Chiều dài khoảng 310mm (± 3%) - Đường kính khoảng 5mm - Dạng cong, ngàm có khía, hoạt động đôi - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	



Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật			Đơn vị tính	Số lượng
391	41.4		Kẹp mô nội soi Johann Fenes	- Dùng kẹp mô - Chiều dài khoảng 310mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 5mm - Dạng thẳng, ngàm khuyết, có răng De Bakey, không sang chân, hoạt động đôi - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
392	41.5		Kéo Metz nội soi	- Sử dụng trong phẫu thuật nội soi - Chiều dài khoảng 310mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 5mm - Dạng kéo phẫu thuật nội soi Metzenbaum, đơn cực, đầu cong trái. - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
393	41.6		Kẹp mang kim thẳng	- Dùng để kẹp kim khi khâu - Chiều dài khoảng 310mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 5mm - Dạng thẳng - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
394	41.7		Kéo Metzenbaum nội soi loại dùng 1 lần	- Dùng để bóc tách, loại dùng một lần - Chiều dài khoảng 310mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 5mm - Dạng cong trái, ngàm hoạt động đôi, cách điện, - Chất liệu thép không gỉ + Polycarbonate	Cái	1		
395	41.8		Kẹp đốt lưỡng cực Bipolar dùng 1 lần	- Dùng kẹp và đốt trong phẫu thuật - Chiều dài khoảng 310mm ( $\pm 3\%$ ) - Ngàm rộng giúp kẹp mô tốt hơn. Thiết kế cách nhiệt hạn chế tổn thương khi sử dụng. Có khóa đóng mở trong quá trình kẹp và đốt - Chất liệu thép không gỉ + Polycarbonate	Cái	10		
396	41.9		Kéo Metzenbaum Ciradur	- Dùng để cắt trong phẫu thuật - Chiều dài làm việc khoảng 350 mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính $\geq 4,5$ mm - Dạng kéo cong trái, tay cầm dạng báng súng - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
397	41.10		Kẹp bóc tách nội soi Mixter	- Dùng bóc tách trong phẫu thuật - Chiều dài khoảng 310mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 5mm - Dạng kẹp phẫu tích nội soi đơn cực, gấp góc $90^\circ$ , hoạt động đôi, vỏ ngoài cách điện - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
398	41.11		Kẹp đốt lưỡng cực Bipolar	- Dùng kẹp và đốt trong phẫu thuật - Chiều dài khoảng 310mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 5mm - Ngàm rộng khoảng 3mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
399	41.12		Bulldog nội soi, thẳng	- Kẹp DeBakeyBulldog dành cho ứng dụng robot nội soi. - Chiều dài khoảng 110mm ( $\pm 3\%$ ) - Kẹp động mạch không chấn thương, thẳng, ngàm có răng cưa 58mm $\pm 3\%$ , - Chất liệu titan	Cái	1	
400	41.13		Bulldog nội soi hơi cong trái	- Kẹp DeBakeyBulldog dành cho ứng dụng robot nội soi. - Chiều dài khoảng 102mm ( $\pm 3\%$ ) - Kẹp động mạch không chấn thương, hơi cong trái, ngàm có răng cưa 50mm $\pm 3\%$ , - Chất liệu titan	Cái	1	
401	41.14		Kẹp gấp bulldog ngàm gấp	- Kẹp bulldog dùng trong phẫu thuật Robot, - Chiều dài khoảng 350mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính 10mm, - Tay cầm dạng khóa bánh cóc. Tay cầm dùng với Bulldog trong phẫu thuật nội soi, ngàm gấp, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
402	41.15		Kẹp gấp bulldog ngàm thẳng	- Kẹp bulldog dùng trong phẫu thuật Robot, - Chiều dài khoảng 380mm ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính 10mm, - Tay cầm dạng khóa bánh cóc. Tay cầm dùng với Bulldog trong phẫu thuật nội soi, ngàm thẳng, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	
	<b>42</b>	<b>DC24-42</b>	<b>Dao mổ siêu âm (4 mục)</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
403	42.1		Dây Dao mổ siêu âm nội soi	- Dao mổ, Cán dây dao nối với tay dao - Bộ phận chuyển đổi năng lượng điện từ sang năng lượng cơ học, kết nối giữa máy phát chính và dao đốt siêu âm mổ nội soi - Sử dụng được tối đa 95 lần, tương thích với máy cắt đốt siêu âm - Chiều dài dây dao 3m $\pm 5\%$ - Chất liệu vỏ ngoài bằng hợp kim nhôm giúp giảm sức nặng, tăng độ bền.	Cái	4	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
404	42.2		Dây Dao mổ mô siêu âm mô hồ	Dây dao mổ, Cán dây dao nối với tay dao Thiết kế vỏ ngoài bằng hợp kim nhôm giúp giảm sức nặng, tăng độ bền. Dùng với tay dao siêu âm loại đầu kiểu kéo - Bộ phận chuyên đổi năng lượng điện từ sang năng lượng cơ học, kết nối giữa máy phát chính và dao đốt siêu âm mô hồ - Sử dụng được tối đa 100 lần, màu xanh dương, tương thích với máy cắt đốt siêu âm - Chiều dài dây dao 3m ± 5%	Cái	4	
405	42.3		Tay dao mổ nội soi	Tay dao mổ nội soi vô khuẩn sử dụng một lần loại bỏ khả năng lây nhiễm chéo - Dụng cụ Chiều dài 36cm(± 3%) , đường kính 5mm, độ mở hàm 10mm - Chiều dài hàm dao 15mm(± 3%) - Sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, - Công nghệ thích ứng mô - Kết nối với dây dao HP054 tương thích máy cắt đốt siêu âm dùng trong mổ nội soi	Cái	20	
406	42.4		Tay dao mổ hồ	Tay dao mổ hồ, thiết kế đặc biệt ở phần ngàm, tay dao dạng kéo có ưu thế trong việc kẹp giữ mô và bóc tách mô với độ chính xác cao . - Dụng cụ Chiều dài 9cm(± 3%) , độ mở hàm > 10.4mm - Chiều dài lưỡi dao 16mm(± 3%) - Sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, - Công nghệ thích ứng mô - Kết nối với dây dao HPBLUE xanh dương tương thích máy cắt đốt siêu âm có ở Bệnh viện, dùng trong mổ hồ	Cái	20	
	43	DC24-43	Bộ dụng cụ FAV (19 mục)			Bộ	6
407	43.1		Kẹp mang kim vi phẫu thẳng tay cầm dẹt	- Dùng để kẹp kim vi phẫu, dùng cho chỉ 6/0-10/0. Dạng ngàm thẳng phủ TC, tay cầm dẹt, cán vàng, có khóa cài, bước răng 0.2mm - Chiều dài khoảng 140-150 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
408	43.2		Kẹp mang kim vi phẫu, tay cầm tròn	- Dùng để kẹp kim vi phẫu, dùng cho chỉ 4/0-6/0. Dạng ngàm thẳng phù TC, tay cầm tròn, cán vàng, có khóa cài, bước răng 0.2mm - Chiều dài khoảng 175- 185 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
409	43.3		Kéo phẫu tích Metzenbaum cong, đầu tù/ tù	- Dùng bóc tách, cắt mô mềm. Dạng cong, đầu tù/tù - Chiều dài khoảng 175- 185 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
410	43.4		Kéo vi phẫu mạch máu gấp góc	- Kéo mạch máu Diethr-Potts rất mảnh. Dạng gấp góc 45 độ, đầu nhọn/ nhọn - Chiều dài khoảng 175- 185 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
411	43.5		Kéo vi phẫu mạch máu gấp góc nhẹ	- Kéo mạch máu Diethr-Potts rất mảnh, Dạng gấp góc 25 độ, đầu nhọn/ nhọn - Chiều dài khoảng 175- 185 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
412	43.6		Nhíp Debakey không chấn thương	- Nhíp gấp mô Debakey. Dạng không chấn thương ngàm 1,5mm - Chiều dài khoảng 150- 160 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2
413	43.7		Nhíp Adson không chấn thương	- Nhíp phẫu tích mô micro-Adson. Dạng không chấn thương ngàm răng cưa, mảnh, thẳng - Chiều dài khoảng 140-150 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
414	43.8		Nhíp thẳng có răng	- Nhíp phẫu tích mô. Dạng thẳng, có răng 1x2 - Chiều dài 150-160 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
415	43.9		Kéo cắt chỉ cong	- Dùng cắt chỉ. Dạng lưỡi cong, - Chiều dài khoảng 145-150mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
416	43.10		Cán dao mổ	- Cán dao mổ dẹt số 3, - Chiều dài khoảng 120-130 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
417	43.11		Kẹp bóc tách	- Kẹp dùng để bóc tách - Chiều dài khoảng 135- 140mm - Dạng ngàm cong gần 90 độ - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
418	43.12		Kẹp mạch máu thẳng	- Dùng để bóc tách, cầm máu. Dạng kẹp mạch máu Baby- Crile, mảnh, thẳng - Chiều dài khoảng 135-140mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	4

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật			Đơn vị tính	Số lượng
419	43.13		Kẹp mạch máu cong	- Dùng để cầm máu, bóc tách phẫu trường nhỏ. Dạng kẹp mạch máu Halsted-Mosquito, mảnh, cong - Chiều dài khoảng 120-130mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	6		
420	43.14		Banh mạch máu	- Dùng banh mạch máu vết thương Koenig, - Chiều dài khoản 175-185 mm, - Kích cỡ lưỡi 13-14x13-14 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
421	43.15		Bulldog thẳng	- Kẹp giữ mạch máu Bulldog Derbakey. Dạng thẳng - Chiều dài khoảng 40-50 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2		
422	43.16		Bulldog cong	- Kẹp giữ mạch máu Bulldog Derbakey. Dạng cong - Chiều dài khoảng 40-50 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	2		
423	43.17		Kẹp bông băng	- Dùng kẹp bông băng Foerster. Dạng thẳng, ngàm răng cưa có khóa cài - Chiều dài khoảng 175-185 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
424	43.18		Banh tự giữ Weitlaner	- Dùng để banh không phải dùng lực tay kéo liên tục Weitlaner. Dạng banh có răng 3x4, hơi nhọn - Chiều dài khoảng 160-170mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
425	43.19		Banh tự giữ	- Dùng để banh vết thương. Dạng banh có răng 3x3 - Chiều dài khoảng 35-45 mm, - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
	44	DC24-44	<b>Bộ Clamps mạch máu các loại (13 mục)</b>				<b>Bộ</b>	<b>2</b>
426	44.1		Kẹp mạch máu ngàm hình thang .	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm hình thang, không chấn thương Ochsner, có răng De Bakey - Chiều dài khoảng 225-235 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
427	44.2		Kẹp mạch máu , ngàm hơi gấp góc.	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm gấp góc 15 độ, không chấn thương Dardik, có răng De Bakey - Chiều dài khoảng 160-170 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		
428	44.3		Kẹp thông nối mạch máu ngàm cong	- Dùng kẹp thông nối mạch máu. Dạng ngàm cong không chấn thương Glover, có răng De Bakey - Chiều dài khoảng 205-215 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1		

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
429	44.4		Kẹp mạch máu đa chức năng ngàm cong	- Dùng kẹp mạch máu đa chức năng. Dạng ngàm cong không chấn thương, có răng De Bakey - Chiều dài khoảng 225-235 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
430	44.5		Kẹp mạch máu đa chức năng ngàm thẳng.	- Dùng kẹp mạch máu đa chức năng. Dạng ngàm thẳng Bainbridge, có răng De Bakey - Chiều dài khoảng 175-185 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
431	44.6		Kẹp mạch máu , ngàm cong	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm cong không chấn thương Weber, có răng De Bakey - Chiều dài khoảng 255- 265 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
432	44.7		Kẹp mạch máu ngàm hình thang .	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm hình thang không chấn thương De Bakey-Satinsky - Chiều dài khoảng 235- 245 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
433	44.8		Kẹp mạch máu không chấn thương, hình thang,	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm hình thang không chấn thương De Bakey-Satinsky - Chiều dài khoảng 265 - 275 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
434	44.9		Kẹp mạch máu ngàm gấp góc.	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm gấp góc không chấn thương De Bakey - Chiều dài 160-170 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
435	44.10		Kẹp mạch máu không chấn thương, ngàm gấp góc.	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm gấp góc không chấn thương De Bakey - Chiều dài khoảng 115-125 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
436	44.11		Kẹp mạch máu ngàm cong vòng cung .	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm cong vòng cung không chấn thương Dale - Chiều dài khoảng 175-185 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
437	44.12		Kẹp mạch máu ngàm thẳng.	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm thẳng không chấn thương Potts - Chiều dài 265- 275 mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1
438	44.13		Kẹp mạch máu ngàm gấp góc.	- Dùng kẹp mạch máu. Dạng ngàm gấp góc gần 90 độ không chấn thương Debakey Mcquigg - Chiều dài khoảng 200- 210mm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
439	45	DC24-45	Kềm gấp thông JJ	- Dùng để kẹp gấp mảnh sỏi nhỏ sau khi đã tán vỡ và kẹp rút thông JJ - Kích thước khoảng 9Fr, - Chiều dài khoảng 40cm - Chất liệu thép không gỉ	Cái	4
440	46	DC24-46	Syring bơm rửa bàng q	- Bơm hút dịch và mô đã cắt đứt ra khỏi bàng quang trong phẫu thuật cắt đứt nội soi tuyến tiền liệt và bứu bàng quang. - Kích thước: dung tích 150ml - Chất liệu: vỏ ngoài thủy tinh, nòng trong thép không gỉ.	Cái	2
441	47	DC24-47	Ống soi bàng quang 30 độ	- Nội soi bàng quang chẩn đoán và điều trị trong bứu, sỏi đường tiết niệu - Kích thước: Ống soi quang học góc soi 30° đường kính 5mm, Chiều dài 30cm - Chất liệu: Thép không gỉ, sợi quang học, kính quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống.	Cái	3
442	48	DC24-48	Ống soi niệu quản	- Dùng nội soi bàng quang, niệu quản chẩn đoán và điều trị trong bứu, sỏi đường tiết niệu + Đầu xa: 8Fr + Thân dụng cụ: 9.5Fr, tăng dần cho đến 12Fr + Kênh dụng cụ: 6Fr (Dùng với dụng cụ có cỡ đến 5Fr) + Hướng soi: 6° + Chiều dài: 43cm + Thị kính gấp góc - Chất liệu: Thép không gỉ, sợi quang học, kính quang học truyền ánh sáng được gắn bên trong ống.	Cái	2
443	49	DC24-49	Kiểm sinh thiết niệu quản	- Dùng kẹp sinh thiết bứu niệu quản - Chiều dài khoảng 73cm, - Kích thước: 5Fr, hàm hoạt động đơn, loại dèo, - Chất liệu: thép không gỉ.	Cái	2
444	50	DC24-50	Bộ dụng cụ soi bàng quang	- Nội soi bàng quang để chẩn đoán và điều trị trong bứu, sỏi đường tiết niệu - Bộ dụng cụ gồm: + Ống vỏ ngoài thăm khám 22Fr, nòng trong đầu tù. + Cầu nối ống soi quang học và một kênh dụng cụ - Chất liệu: thép không gỉ	Bộ	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
445	51	DC24-51	Tay cắt đốt nội soi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong cắt đốt nội soi</li> <li>- Có bộ phận gắn dây đốt và lưỡi đốt, tay cầm bằng chất liệu cách điện (là 1 bộ phận của bộ máy cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt)</li> <li>- Kích thước: Phù hợp với bộ dụng cụ cắt đốt nội soi</li> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> </ul>	Cái	2
446	52	DC24-52	Nòng trong dạng xoay Ceramid	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong cắt đốt nội soi</li> <li>- Nòng trong dạng xoay Ceramid. có đầu xa là Ceramid (là 1 bộ phận của bộ máy cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt)</li> <li>- Kích thước: Phù hợp với bộ dụng cụ cắt đốt nội soi</li> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> </ul>	Cái	2
447	53	DC24-53	Lưỡi dao cắt đốt nội soi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt</li> <li>- Lưỡi dao cắt đốt nội soi dạng vòng loại 1 chân</li> </ul>	Cái	12
448	54	DC24-54	Lưỡi dao cắt đốt nội soi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong cắt đốt nội soi tuyến tiền liệt</li> <li>- Lưỡi dao cắt đốt dạng cầu loại 1 chân</li> </ul>	Cái	12
449	55	DC24-55	Cán kèm nội soi đường kính 5mm, có khóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong phẫu thuật nội soi cho các chuyên khoa: ngoại tiêu hóa, ngoại niệu, ngoại lồng ngực, ngoại gan mật và phẫu thuật ROBOT.</li> <li>- Có khóa, xoay được 360 độ</li> <li>- Đường kính 5mm, Chiều dài 320mm (sai số <math>\pm 5\%</math>)</li> <li>- Chất liệu PolyEtherEtherKeton (PEEK), cách điện, chịu nhiệt (<math>\geq 200^{\circ}\text{C}</math>), dễ dàng tháo, lắp, vệ sinh và tái sử dụng được.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn DIN EN 285, DIN EN ISO 17665</li> <li>- Sử dụng tương thích dụng cụ nội soi GIMMI hiện đang sử dụng tại bệnh viện</li> </ul>	Cái	10



Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật			Đơn vị tính	Số lượng
454	60	DC24-60	Ống nội soi tai mũi họng(HD) 0 độ	- Dùng để nội soi tai, mũi xoang trẻ em, - Chiều dài khoảng 110mm (sai số $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 3.0mm, - Hai đầu ống soi chất liệu kính Sapphire, - Chất liệu thân thép không gỉ, phần tiếp xúc camera làm bằng nhựa chịu nhiệt	Cái	1		
455	61	DC24-61	Ống nội soi tai mũi họng(HD) 0 độ	- Dùng để nội soi tai, mũi xoang - Chiều dài khoảng 173mm(sai số $\pm 3\%$ ) - Đường kính khoảng 4.0mm, - Hai đầu ống soi chất liệu kính Sapphire, thân - Chất liệu thân thép không gỉ, phần tiếp xúc camera làm bằng nhựa chịu nhiệt	Cái	2		
456	62	DC24-62	Ống nội soi thanh quản HD: 70 độ	- Dùng để nội soi thanh quản. Gồm: - 1 ống đường kính 5.8mm, Chiều dài khoảng 185mm ( $\pm 3\%$ ) - 1 ống đường kính 8.0mm, Chiều dài khoảng 187mm ( $\pm 3\%$ ) - Hai đầu ống soi chất liệu kính Sapphire, - Chất liệu thân ống thép không gỉ, phần tiếp xúc camera làm bằng nhựa chịu nhiệt	Cái	2		
457	63	DC24-63	Ống soi tai mũi xoang HD: 30 độ	- Dùng để nội soi tai, mũi thanh quản. - Chiều dài khoảng 172m ( $\pm 3\%$ ) - Đường kính 4.0mm, - Hai đầu ống soi chất liệu kính Sapphire, - Chất liệu thân ống thép không gỉ, phần tiếp xúc camera làm bằng nhựa chịu nhiệt	Cái	2		
458		DC24-64	Bộ dụng cụ nội soi não thất bao gồm:				Bộ	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
450	56	DC24-56	Cán kèm nội soi đường kính 5mm, không khóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong phẫu thuật nội soi cho các chuyên khoa: ngoại tiêu hóa, ngoại niệu, ngoại lồng ngực, ngoại gan mật và phẫu thuật ROBOT.</li> <li>- Không khóa, xoay được 360 độ</li> <li>- Đường kính 5mm, Chiều dài 320mm (sai số ± 5%)</li> <li>- Chất liệu PolyEtherEtherKeton (PEEK), cách điện, chịu nhiệt (<math>\geq 200^{\circ}\text{C}</math>), dễ dàng tháo, lắp vệ sinh và tái sử dụng được.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn DIN EN 285, DIN EN ISO 17665</li> <li>- Sử dụng tương thích dụng cụ nội soi GIMMI hiện đang sử dụng tại bệnh viện</li> </ul>	Cái	20
451	57	DC24-57	Kéo mô nội soi cong, bằng nhựa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng trong phẫu thuật nội soi cho các chuyên khoa: ngoại tiêu hóa, ngoại niệu, ngoại lồng ngực, ngoại gan mật và phẫu thuật ROBOT.</li> <li>- Bộ kéo phẫu tích nội soi đơn cực metzenbaum, gồm cán, và ruột, vỏ, cong về trái, ngàm có khóa mịn, hoạt động đôi, mũi tù/tù.</li> <li>- Đường kính 5mm, Chiều dài kéo khoảng 320mm, Chiều dài ngàm 22mm (sai số ± 5%)</li> <li>- Chất liệu PolyEtherEtherKeton (PEEK), cách điện, chịu nhiệt (<math>\geq 200^{\circ}\text{C}</math>), dễ dàng tháo, lắp vệ sinh và tái sử dụng được.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn DIN EN 285, DIN EN ISO 17665</li> </ul>	Cái	36
452	58	DC24-58	Khay đựng hình hạt đậu loại trung - lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng đựng bệnh phẩm</li> <li>- Chiều cao 3cm (sai số ± 5%)</li> <li>- Kích thước: loại trung- lớn 230mmx110mm,</li> <li>- Khay đựng hình hạt đậu</li> <li>- Chất liệu: inox 304</li> </ul>	Cái	200
453	59	DC24-59	Bát inox tròn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng đựng bệnh phẩm trong phẫu thuật</li> <li>- Chiều cao 5-8cm</li> <li>- Đường kính 160-190mm,</li> <li>- Dung tích khoảng 1 lít nước,</li> <li>- Chất liệu inox 304</li> </ul>	Cái	250

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
459	64.1		Ống soi quang học não thất	- Chuyên dụng trong não thất với kênh làm việc thao tác đưa dụng cụ phẫu thuật vào và một kênh để tưới rửa liên tục trong lúc mổ Ống soi quang học não thất với góc soi thẳng mở rộng 6 độ, thị kính gấp góc, đường kính ngoài 6.1 mm, - Chiều dài 30 cm (18 cm), đường kính kênh làm việc 2.9 mm, ( $\pm 3$ ) - Đường kính kênh tưới rửa / hút 1.6 mm, hấp tiệt trùng được. - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
460	64.2		Ống vỏ ngoài của ống soi não thất đồng bộ	- Ống vỏ ngoài phẫu thuật, xoay tròn được, có kênh đưa dụng cụ thao tác Đường kính ngoài 6.8 mm( $\pm 3$ ) - Chiều dài làm việc 13 cm ( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
461	64.3		Nòng trong của ống soi đồng bộ	Nòng trong đầu tù dùng với ống vỏ ngoài phẫu thuật - Chiều dài: 20 cm ( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
462	64.4		Kéo phẫu tích	- Kéo chuyên dụng cho nội soi dùng cắt trong lúc mổ nhọn, hàm mở 01 bên, đường kính 2 mm ( $\pm 3$ ) - Chiều dài làm việc 30 cm( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
463	64.5		Kẹp sinh thiết	- Dùng kẹp lấy mẫu sinh thiết, hàm mở 02 bên, đường kính 2 mm - Chiều dài làm việc 30 cm( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
464	64.6		Kẹp phẫu tích não thất	- Kẹp phẫu tích chuyên dụng trong nội soi não thất, Đường kính 2 mm, - Chiều dài làm việc 30 cm( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
465	64.7		Kẹp phẫu tích	- Kẹp phẫu tích chuyên dụng trong nội soi não thất, hàm mở 02 bên, đường kính 2 mm - Chiều dài làm việc 30 cm ( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
466	64.8		Kẹp phẫu tích lưỡng cực	- Kẹp đốt cầm máu chuyên dụng trong nội soi não thất dài, với hàm phẳng, đường kính ngoài 2.4 mm, - Chiều dài làm việc 30 cm( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
467	64.9		Điện cực đốt cầm máu lưỡng cực	- Đốt cầm máu chuyên dụng trong nội soi não thất, đường kính 1.7 mm, - Chiều dài làm việc 30 cm( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
468	64.10		Dây đốt cao tần lưỡng cực	- Đốt cầm máu chuyên dụng trong nội soi não thất - Chiều dài 300 cm(±3) - Chất liệu: thép không gỉ, bọc nhựa cách điện	cái	1	
469	64.11		Bóng nong	- Dùng cho phẫu thuật mở thông sàn não thất III, đường kính 1 mm, - Chiều dài 40 cm, (±3), tiết trùng, dùng 01 lần - Chất liệu: silicon	cái	1	
470	64.12		Hộp nhựa	- Dùng bảo quản và vệ sinh ống soi - Chiều dài, rộng: 35x5 (±3) - Chất liệu nhựa	cái	1	
471	64.13		Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh dụng cụ	- Dùng bảo quản hộp dụng cụ và vệ sinh dụng cụ, nắp đậy đục lỗ, 02 tầng - Chiều dài, rộng: 50 x 25 (±3) - Chất liệu nhựa	cái	1	
		DC24-65	Bộ dụng cụ nội soi sẵn sọ			Bộ	1
472	65.1		Ống soi quang học HOPKINS góc soi thẳng	- Cần ống soi chuyên dụng, kích thước dài trong phẫu thuật sẵn sọ, góc soi thẳng 0 độ, đường kính 4 mm, - Chiều dài 30 cm (±3), hấp tiết trùng được. - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1	
473	65.2		Ống soi quang học HOPKINS góc soi nghiêng	- Cần ống soi 30 độ, kích thước dài, góc quan sát rộng, góc soi nghiêng 30 độ đường kính 4 mm, - chiều dài 30 cm (±3), hấp tiết trùng được. - Chất liệu : thép không gỉ	cái	1	
474	65.3		Vỏ ngoài cho tưới rửa và hút 0 độ	- Dùng tưới rửa liên tục làm sạch ống soi trong lúc mổ - Chiều dài:30, đường kính 6 mm (±3) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1	
475	65.4		Vỏ ngoài cho tưới rửa và hút 30 độ	- Dùng tưới rửa liên tục làm sạch ống soi trong lúc mổ - Chiều dài:30, đường kính 6 mm (±3) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1	
476	65.5		Dao hình liềm	- Dùng cắt vạt niêm mạc mũi, hơi cong, nhọn, lưỡi dao mô hình liềm - Chiều dài 18 cm (±3), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1	

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
477	65.6		Muỗng nạo	- Dùng lấy u sàn sọ nhất là u tuyến yên, hình chữ nhật, cỡ nhỏ, - Dài 19 cm ( $\pm 3$ ) - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
478	65.7		Kéo phẫu tích mũi	- Dùng cắt niêm mạc trong mũi, kiểu ZURICH, thẳng, loại lớn, hàm cắt dài 18 mm, - chiều dài làm việc 14 cm( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
479	65.8		Kẹp phẫu tích	- Phẫu tích trong mô, hàm hình cúp tròn, cỡ 0.6 mm, mảnh, (thẳng, cong sang phải và sang trái), - Chiều dài làm việc 18 cm( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
480	65.9		Dụng cụ mổ, hình lưỡi lê	- Phẫu tích trong mô, bén, (cong sang phải và sang trái) - Chiều dài 24 cm ( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
481	65.10		Kèm găm xương KERRISON	- Dùng cắt xương mũi xoang và sàn sọ, có thể tháo rời, cứng, hàm mở lên trên 40 độ về phía trước, cỡ 2 mm, - Chiều dài làm việc 17 cm( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
482	65.11		Kèm phẫu tích STAMMBERGER	- Dùng cắt xương và các cấu trúc mũi xoang, hàm cắt tròn hình nấm, cỡ 4.5mm, với đầu nối vệ sinh, - Chiều dài làm việc 18cm( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
483	65.12		Kéo phẫu tích	- Dùng cắt các cấu trúc mô thần kinh và u (thẳng, cong sang phải và sang trái) với tay cầm nhỏ, - Chiều dài làm việc 18 cm( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
484	65.13		Kẹp giữ kim MASING	- Dùng khâu vá màng cứng, kiểu kẹp phẫu tích tai, dùng trong nội sọ, hàm tròn, - Chiều dài làm việc 8 cm( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
485	65.14		Ống hút và đốt cầm máu	- Dùng hút và đốt trong mô, cách điện, cong 90 độ, đường kính ngoài 3 mm, - Chiều dài làm việc 16 cm ( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1
486	65.15		Kẹp đốt lưỡng cực	- Dùng cầm máu trong sâu vùng sàn sọ, cách điện, kiểu lưỡi lê, cùn, đầu xa 0.7 mm, - Chiều dài làm việc 14 cm, tổng chiều dài 25 cm( $\pm 3$ ), - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật			Đơn vị tính	Số lượng
487	65.16		Dây đốt cao tần lưỡng cực	- Dùng cầm máu trong sâu vùng sàn sọ - Chiều dài 300 cm(±3), - Chất liệu: thép không gỉ, bọc cách điện	cái	1		
488	65.17		Hộp nhựa	- Dùng bảo quản và vệ sinh dụng cụ, nắp đậy đục lỗ, 02 tầng - Chiều dài, rộng: 40 x20 cm (±5) - Chất liệu nhựa	cái	1		
489	65.18		Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh dụng cụ	Hộp nhựa cho bảo quản và vệ sinh ống soi, nắp đậy đục lỗ - Chiều dài, rộng: 35 x5 cm (±5) - Chất liệu nhựa	cái	1		
		DC2024-66	<b>Bộ dụng cụ nội soi cột sống 2 công phù hợp cho giải ép, đặt đĩa gồm: Bộ dụng cụ tiêu chuẩn, bộ dụng cụ đặt đĩa, bộ trợ cụ. Chi tiết như sau:</b>				bộ	1
490	66.1		<b>Bộ dụng cụ tiêu chuẩn:</b>				<b>Bộ</b>	<b>1</b>
491			1. Ống nong đặc ruột	- Dùng tạo kênh cho ống soi và kênh đưa dụng cụ vào làm việc - Đường kính: Ø 6, 8, 10, 12, 14, 16mm - Chiều dài: 130 – 220mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1		
492			2. Ống vén - dẫn nước ra kênh làm việc	- Dùng vén và dẫn nước liên tục trong kênh làm việc để đảm bảo môi trường sạch và rõ trong quá trình nội soi - Đường kính: Ø 10, 12mm - Chiều dài: 50 – 90mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1		
493			3 Dụng cụ tách cơ:	- Dùng tách cơ ra khỏi bản sống và gai sống - Loại tay cầm dạng chữ T - Kích thước: 5mm * 160mm - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1		
494			4. Cây vén rễ thần kinh	- Dùng vén rễ thần kinh để lấy nhân đệm cũng như đặt đĩa đệm - Chiều rộng: 4, 8 mm - Chiều dài: 100mm - Chất liệu: thép không gỉ	Bộ	1		

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật			Đơn vị tính	Số lượng
495			5. Dụng cụ bóc tách dây chằng vàng	- Dùng để bóc tách dây chằng vàng ra khỏi bản sống cũng như bao rỗng thần kinh - Chiều rộng: 2mm/ 3mm; 4mm/ 5mm - Chiều dài: 100mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1		
496			6. Dụng cụ bóc tách hai đầu, loại gấp góc	- Dùng bóc tách những góc khuất trên nội soi - Chiều rộng: 3mm, góc 30 độ - Chiều dài: 100mm - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1		
497			7. Ống dẫn scope	- Dùng đưa scope vào trong trường mổ - Đường kính: Ø9 mm - Chiều dài: 120mm (±3) - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1		
498			8. Ống hút nội soi	- Dùng hút sạch trường mổ trong những trường hợp cần thiết - Đường kính: Ø 4mm, gấp góc 135 độ - Chiều dài: 200mm - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1		
499			9. Cây thăm rỗng thần kinh, hình chữ L	- Dùng kiểm tra độ rộng rỗng thần kinh sau khi được lấy nhân đệm cũng như được giải ép - Chiều dài: 100mm (±3), đầu 4mm - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1		
500			10. Dao cắt đĩa chuyên dùng trong nội soi cột sống	- Dùng cắt đĩa dễ dàng ở phẫu trường hẹp và sâu của nội soi - Chiều rộng: 4mm - Chiều dài: 200 – 220mm - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1		
	66.2		<b>Bộ dụng cụ đặt đĩa đệm:</b>				<b>Bộ</b>	<b>1</b>
501			1. Ống nong để đặt đĩa đệm	- Dùng nong rộng thêm kênh làm việc để đưa đĩa đệm nhân tạo vào - Kích thước: Ø12*150mm; 14*140mm; 16*130mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1		
502			2, - Cây đục xương	- Dùng đục bản sống giải ép và lấy xương để ghép vào đĩa đệm - Thẳng, hình L, ngựa 15 độ, ngựa 30 độ - Chiều dài: 130 – 220mm, rộng 5mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1		

Stt	Stt	Mã nội bộ 2024	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	
503			3. Cây vén rễ thần kinh các loại	- Tùy theo bên phẫu thuật giúp vén rễ thần kinh đủ rộng và an toàn để đưa đĩa đệm nhân tạo vào khoan đĩa đệm - Cong phải, cong trái, gấp mép trái, phải - Chiều dài: 100mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1	
504			4. Đùi đĩa đệm nhân tạo	- Dùng đóng đĩa đệm nhân tạo vào đúng vị trí - Đường kính: 9mm - Chiều dài: 220 – 260mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1	
505			5. Cây nạo khoang đĩa đệm	- Dụng cụ làm sạch đĩa sụn cuối của khoang đĩa đệm giúp ghép xương hàn tốt - Chiều rộng: 7 mm - Chiều dài: 160 – 220mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1	
506			6. Curette	- Dùng bóc tách cũng như làm sạch vị trí ghép xương - Loại thẳng và nghiêng, đường kính: 3, 4mm - Chiều dài: 140 – 200mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1	
507			7. Búa xương	- Dùng đục bản sống giải ép cũng như đóng đĩa đệm vào - Chiều dài: 200 – 240mm - Chất liệu: thép không gỉ	cái	1	
	<b>66.3</b>		<b>Bộ trợ cụ</b>			<b>Bộ</b>	<b>1</b>
508			1. Cây găm xương (Kerisson)	- Bộ Kerrison nhiều kích cỡ, nhiều góc mở giúp găm xương cũng như dây chằng dễ dàng trong phẫu thuật giải ép cột sống, - Đường kính: 2, 3mm, gấp góc: 110, 130 độ, hình dạng thẳng và cong - Chiều dài: 200 – 240mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1	
509			2. Cây gấp nhân đệm (Pituitary forcep)	- Dùng gấp nhân đệm nhiều kích cỡ phù hợp cho phẫu thuật nội soi ở môi trường sâu. - Đường kính: 2,3,4 mm, thẳng và cong - Chiều dài: 200 – 260mm - Chất liệu: thép không gỉ	bộ	1	
510			3. Hộp dụng cụ hấp tiệt trùng	- Dùng bảo quản các dụng cụ tinh tế, tránh hư hỏng - Kích cỡ phù hợp bộ trợ cụ - Chất liệu: nhôm	cái	1	